

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ DUNG

GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỪ THỰC TIỄN TỈNH ĐỒNG NAI

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ DUNG

**GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỪ THỰC TIỄN TỈNH ĐỒNG NAI**

Chuyên ngành: Luật hiến pháp và luật hành chính

Mã số: 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. BÙI THỊ ĐÀO

HÀ NỘI – 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng đây là công trình nghiên cứu của tôi, có sự hỗ trợ từ Giáo viên hướng dẫn là PGS.TS. Bùi Thị Đào. Các nội dung nghiên cứu và kết quả trong đề tài này là trung thực. Những số liệu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả, cơ quan, tổ chức khác cũng thể hiện trong phần tài liệu tham khảo có nguồn gốc và trích dẫn rõ ràng. Nếu phát hiện có bất cứ sự gian lận nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước hội đồng cũng như kết quả luận văn của mình.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Tác giả

Nguyễn Thị Dung

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN | 6 |
| 1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân..... | 6 |
| 1.2. Thẩm quyền, nguyên tắc, thủ tục giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân..... | 15 |
| 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân..... | 30 |
| Chương 2: THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI | 34 |
| 2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến giải quyết vụ án hành chính tại Tỉnh Đồng Nai . | 34 |
| 2.2. Thực tiễn hoạt động giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai..... | 37 |
| Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN | 56 |
| 3.1. Phương hướng và một số yêu cầu của việc bảo đảm chất lượng giải quyết Vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân trong giai đoạn hiện nay | 56 |
| 3.2. Giải pháp bảo đảm chất lượng giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân trong giai đoạn hiện nay | 60 |
| PHẦN KẾT LUẬN | 73 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 76 |

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

| | |
|-------------|---|
| GQKKHC | : Giải quyết khiếu kiện hành chính |
| HĐND | : Hội đồng nhân dân |
| HĐXX | : Hội đồng xét xử |
| HVHC | : Hành vi hành chính |
| KKHC | : Khiếu kiện hành chính |
| PLTTGQCVAHC | : Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính |
| QĐHC | : Quyết định hành chính |
| QĐKLBTV | : Quyết định kỷ luật buộc thôi việc |
| VKSND | : Viện kiểm sát nhân dân |
| VAHC | : Vụ án hành chính |
| VKTTĐ | : Vùng kinh tế trọng điểm |
| TTHC | : Tổ tụng hành chính |
| TADN | : Tòa án nhân dân |
| UBND | : Ủy ban nhân dân |
| XHCN | : Xã hội chủ nghĩa |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Tại Điều 2 Hiến Pháp 2013 qui định: “*Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân*”.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền đề cao tính tối thượng của Hiến Pháp và pháp luật trong đời sống chính trị-xã hội, tạo mối quan hệ qua lại bình đẳng giữa Nhà nước và công dân, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân thông qua Hiến pháp và pháp luật, quyền làm chủ của nhân dân được Nhà nước bảo đảm, Điều 3 Hiến pháp 2013 quy định: “*Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện*”[28]. Tuy nhiên quyền và lợi ích hợp pháp của công dân có thể bị xâm phạm từ nhiều phía, có thể là sự vi phạm bởi các QĐHC, HVHC trái pháp luật của cơ quan nhà nước nói chung, cơ quan hành chính nhà nước nói riêng, cũng như bởi các hành vi trái pháp luật của các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoặc của công dân khác. Sự vi phạm này đã gây thiệt hại cho các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, từ đó đặt ra các cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân khỏi các vi phạm nói trên, trong đó có việc giải quyết các khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân. Để đáp ứng nhu cầu thực hiện quyền khiếu nại, khiếu kiện được quy định trong Hiến pháp 2013 thì một số dự án luật cũng được triển khai, trong đó có Luật Tố tụng hành chính 2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016, trừ các quy định cụ thể hóa các quy định mới có liên quan của Bộ luật dân sự năm 2015 thì có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Cũng như Luật TTHC năm 2010, Luật TTHC 2015 tạo cơ sở pháp lý thuận lợi hơn cho người dân trong việc khiếu kiện QĐHC, HVHC để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình. Tuy nhiên Luật TTHC 2010 qua thực tiễn năm năm áp dụng đã bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án hành chính. Luật TTHC năm 2015 ra đời đã có nhiều

sửa đổi, bổ sung quan trọng so với Luật TTHC 2010, nhưng những thay đổi này vẫn chưa khắc phục được triệt để những hạn chế của pháp luật tổ tụng hành chính nói chung. Một số quy định của Luật TTHC 2015 chưa được hướng dẫn thi hành, hơn nữa việc dự báo về phương diện lý luận, những khó khăn khi triển khai thực hiện các nội dung mới của Luật TTHC 2015 là cần thiết trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

Do Tổ tụng hành chính ở nước ta còn khá mới mẻ và đang trong quá trình hoàn thiện nên việc giải quyết các vụ án hành chính còn gặp rất nhiều khó khăn như: vấn đề xác định đối tượng khởi kiện, xác định người tham gia tố tụng trong vụ án, về thủ tục đối thoại trong tố tụng hành chính, về căn cứ đánh giá tính hợp lý, hợp pháp của QĐHC, HVHC, vấn đề tranh tụng tại phiên tòa, về cơ chế bảo đảm thi hành bản án, quyết định còn nhiều bất cập... Vì vậy tôi lựa chọn đề tài “**giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai**” làm đề tài luận văn Luật học với mong muốn tìm hiểu sâu sắc hơn về khoa học luật hành chính, đặc biệt là những quy định của pháp luật về việc giải quyết các vụ án hành chính của Tòa án, để từ đó có những đánh giá, nhận định sâu sắc hơn về vấn đề giải quyết vụ án hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Thông qua quá trình nghiên cứu và viết luận văn này, tác giả mong muốn có thể tích lũy được những kiến thức cần thiết phục vụ công tác chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động xét xử vụ án hành chính ở địa phương nói riêng, đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp của nhà nước ta nói chung, và là nguồn cung cấp tài liệu cho việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học pháp lý về việc giải quyết vụ án hành chính.

2. Tình hình nghiên cứu

Từ trước khi Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính ra đời cũng như thời điểm hiện tại khi Luật TTHC 2015 đã được thông qua và có hiệu lực thi hành đã có nhiều công trình nghiên cứu, những bài viết liên quan tới việc giải quyết vụ án hành chính như: Luận án, luận văn, sách chuyên khảo, bài báo khoa học... Trong đó có thể nêu ra một số công trình như sau: Công trình “*Thiết lập tài phán hành chính ở nước ta*” của Học viện Hành chính quốc gia do GS. TSKH

Nguyễn Duy Gia chủ biên, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội-1995; “*Tìm hiểu về tài phán hành chính ở Việt Nam*” của PTS Phạm Hoàng Thái và PTS Đinh Văn Mậu, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh -1996; “*Thế chế tư pháp trong nhà nước pháp quyền*” của PGS.TS Nguyễn Đăng Dung, Nhà xuất bản Tư pháp - 2004, trong đó có nghiên cứu về tổ chức Tòa hành chính; Công trình “*Tài phán hành chính trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay*”(sách chuyên khảo)của PGS.TS Nguyễn Như Phát, PGS.TS Nguyễn Thị Việt Hương (chủ biên); Luận án tiến sỹ Luật học của tác giả Nguyễn Mạnh Hùng về “*Phân định thẩm quyền giải quyết khiếu nại hành chính và thẩm quyền xét xử hành chính ở Việt Nam*”; Luận án tiến sỹ Luật học của tác giả Nguyễn Thanh Bình về “*Thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc giải quyết các khiếu kiện hành chính*”; Bài viết của tác giả Nguyễn Hoàng Anh về “*Hoạt động xét xử hành chính ở nước ta*”, tạp chí nghiên cứu lập pháp năm 2016; Nguyễn Thị Hương (2013), “*Nâng cao hiệu quả xét xử vụ án hành chính nhìn từ góc độ bảo đảm tính độc lập của Tòa án*”, Luận văn thạc sỹ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội v.v...

Những công trình nghiên cứu nói trên tập trung nghiên cứu ở khía cạnh có liên quan tới những vấn đề chung về Tài phán hành chính, thẩm quyền xét xử án hành chính của Tòa án, thủ tục xét xử vụ án hành chính, cơ cấu hoạt động của Tòa hành chính. Kết quả các công trình nghiên cứu trên được sử dụng làm tài liệu tham khảo bổ ích cho luận văn. Tuy nhiên kể từ khi luật TTHC 2015 được thông qua và có hiệu lực cho đến nay, vẫn chưa có nghiên cứu nào đi sâu vào việc giải quyết vụ án hành chính tại tòa án nhân dân và đặc biệt thông qua thực tiễn của tỉnh Đồng Nai. Việc nghiên cứu chuyên sâu về việc giải quyết vụ án hành chính là rất cần thiết đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi mà Luật TTHC 2015 còn rất mới mẻ cả về lý luận lẫn thực tiễn áp dụng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu: Từ việc nghiên cứu lý luận, các quy định của pháp luật hiện hành về giải quyết vụ án hành chính, luận văn đi sâu vào nghiên cứu, đánh giá hoạt động giải quyết án hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, từ đó đưa

ra cái nhìn tổng quát và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giải quyết án hành chính.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Phân tích làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận liên quan đến giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

Nghiên cứu, phân tích, đánh giá tổng hợp các quy định pháp luật hiện hành về giải quyết vụ án hành chính, có sự so sánh đối chiếu giữa quy định của Luật TTHC 2010, Luật TTHC 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Phân tích, đánh giá thực trạng giải quyết án hành chính tại tỉnh Đồng Nai, từ đó rút ra những ưu điểm và hạn chế, vướng mắc trong việc áp dụng quy định của pháp luật vào thực tiễn giải quyết án hành chính, cũng như lý giải nguyên nhân của thực trạng này.

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về giải quyết án hành chính cũng như nâng cao chất lượng giải quyết án hành chính, tăng cường pháp chế XHCN, thúc đẩy quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

4.1. Đối tượng nghiên cứu.

Các quy định pháp luật về giải quyết vụ án hành chính tại TAND. Tình hình khiếu kiện hành chính và thực tiễn giải quyết vụ án hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Tình hình khiếu kiện hành chính và thực tiễn giải quyết vụ án hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Phạm vi thời gian: từ năm 2011 đến nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mac - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước

và pháp luật, quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân.

Luận văn vận dụng kết hợp các phương pháp phân tích, tổng hợp so sánh, phương pháp lịch sử, phương pháp thống kê, logic tổng hợp kết hợp thực tiễn, kết hợp lý luận và thực tiễn để xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan đến đối tượng nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Luận văn tập trung nghiên cứu, phân tích những vấn đề lý luận và pháp luật về giải quyết vụ án hành chính một cách cập nhật nhất. Phân tích, đánh giá hạn chế, nguyên nhân tác động đến hoạt động giải quyết các vụ án hành chính qua các số liệu (hoặc vụ án cụ thể) trên cơ sở những quy định của pháp luật TTHC hiện hành và đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả giải quyết vụ án hành chính trong bối cảnh hiện nay. Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện hơn nữa hệ thống lý luận khoa học luật hành chính và cung cấp được những thông tin có ý nghĩa cho các cơ quan chức năng trong việc tổ chức giải quyết án hành chính ở nước ta.

Những vấn đề đã đưa ra của luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy, biên soạn tài liệu về hoạt động giải quyết vụ án, là tài liệu tham khảo và vận dụng cho thẩm phán Tòa án nhân dân, Luật sư, Kiểm sát viên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung.

7. Cơ cấu của luận văn

Để đạt được mục đích trong phạm vi nghiên cứu đề tài, ngoài phần lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp lý về giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

Chương 2. Thực trạng giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Chương 3. Phương hướng và giải pháp bảo đảm giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN.

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

1.1.1. Khái niệm giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

1.1.1.1. Khái niệm vụ án hành chính.

Quản lý hành chính nhà nước là hoạt động của nhà nước được thực hiện trước hết và chủ yếu bởi các cơ quan hành chính nhà nước, có nội dung là bảo đảm sự chấp hành các văn bản qui phạm pháp luật của các cơ quan quyền lực nhà nước, nhằm tổ chức thực hiện pháp luật đối với các cá nhân, cơ quan, tổ chức trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa-xã hội và hành chính-chính trị. Hoạt động này được thực thi trên cơ sở pháp luật, đảm bảo các quyền và lợi ích chung của nhà nước và xã hội. Bởi vậy trong quá trình thực hiện quản lý hành chính nhà nước khó có thể tránh khỏi sự xung đột hay tranh chấp về lợi ích, quan điểm áp dụng pháp luật giữa chủ thể quản lý hành chính nhà nước và đối tượng quản lý hành chính nhà nước. Những xung đột, tranh chấp này chủ yếu xuất phát từ việc chủ thể quản lý hành chính nhà nước đơn phương áp đặt ý chí của mình (có thể bằng cách ban hành các QĐHC, thực hiện HVHC) gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng quản lý hành chính nhà nước. Khi các cá nhân, tổ chức (đối tượng quản lý hành chính nhà nước) phản đối QĐHC, HVHC của cơ quan hành chính nhà nước thì phát sinh tranh chấp. Có thể khái quát rằng tranh chấp hành chính “ là mâu thuẫn bất đồng giữa chủ thể quản lý hành chính nhà nước với các đối tượng quản lý thuộc về quyền, lợi ích, nghĩa vụ pháp lý theo quy định của pháp luật”. Khi những xung đột, tranh chấp này bị đẩy lên cao, các bên phải đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết thì sẽ phát sinh vụ án hành chính. Hay nói cách khác vụ án hành chính phát sinh khi có khiếu kiện hành chính của cá nhân, tổ chức tại Tòa án nhân dân. Khiếu kiện hành chính là việc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân đối với QĐHC, HVHC khi cho rằng quyết định

đó hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình để đề nghị Tòa án phán quyết về tính hợp pháp của QĐHC, HVHC đó.

Theo từ điển Tiếng Việt thì “vụ” là việc, sự việc không hay, rắc rối cần phải giải quyết; còn “án” là tranh chấp quyền lợi cần được xét xử trước Tòa án. “Vụ án” là công việc phát sinh trên cơ sở tranh chấp về quyền lợi thuộc nhiệm vụ xét xử của Tòa án. Còn theo từ điển Luật học thì vụ án là “Một vụ việc có dấu hiệu trái pháp luật mang tính chất hình sự hoặc tranh chấp giữa các chủ thể pháp luật được đưa ra Tòa án hoặc cơ quan trọng tài giải quyết...” [7, tr. 860]

Như vậy có thể hiểu khái quát chung về VAHC là vụ việc phát sinh trên cơ sở tranh chấp trong các lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước.

Thực tiễn hiện nay khái niệm VAHC chưa được qui định cụ thể trong một văn bản quy phạm pháp luật nào. Tuy nhiên khi đề cập đến khái niệm này ta có thể hiểu như sau:

“Vụ án hành chính là vụ việc tranh chấp hành chính được Tòa án có thẩm quyền thụ lý theo yêu cầu khởi kiện của cá nhân, tổ chức đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ”[37, tr.16].

Như vậy VAHC chỉ phát sinh khi có yêu cầu khởi kiện của cá nhân, tổ chức đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính. Đây là căn cứ đầu tiên để Tòa án xem xét thụ lý đơn khởi kiện.

1.1.1.2. Khái niệm giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân

Ở Việt Nam trước khi Tòa hành chính được thành lập thì vấn đề giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan công quyền cũng đã được quan tâm ở mức độ nhất định. Tuy nhiên do chịu ảnh hưởng của các nước XHCN trước đây nên trong thời kỳ này các tranh chấp hành chính chủ yếu được giải quyết theo thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính mà ít được giải quyết theo thủ tục tố tụng tại Tòa án.

Từ những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX nhu cầu của thực tiễn đòi hỏi phải thiết lập một hệ thống cơ quan tài phán độc lập để giải quyết các tranh chấp hành chính bằng con đường tư pháp. Đáp ứng nhu cầu đó, các chuyên gia pháp lý đã

tiến hành nghiên cứu và khảo sát các mô hình tài phán hành chính cũng như kinh nghiệm thực tế giải quyết khiếu kiện hành chính trên thế giới để đưa ra mô hình phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII ngày 23/01/1995 đã quyết định về việc thành lập Tòa hành chính trong hệ thống Tòa án nhân dân. Ngày 28/10/1995 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Tòa án nhân dân, trong đó giao cho Tòa án nhân dân chức năng xét xử các vụ án hành chính. Khái niệm “Vụ án hành chính” và “giải quyết vụ án hành chính” trở nên phổ biến trong học thuật từ đó đến nay.

Theo từ điển Tiếng Việt thì “Giải quyết” có nghĩa là “làm cho không còn thành vấn đề nữa”. Dựa vào khái niệm “vụ án hành chính” đã đề cập ở trên thì có thể hiểu một cách khái quát nội dung của “giải quyết vụ án hành chính” là việc các cơ quan, người tiến hành tổ tụng hành chính trên cơ sở thực thi quyền tư pháp, theo thủ tục tổ tụng hành chính xem xét và phán quyết về tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính có liên quan, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng quản lý hành chính nhà nước. Còn xét về mặt hình thức thì giải quyết vụ án hành chính được thể hiện thông qua các giai đoạn của Tổ tụng hành chính bao gồm: Khởi kiện vụ án hành chính, thụ lý vụ án hành chính và xét xử vụ án hành chính.

Xét về mặt thuật ngữ, khi nói đến giải quyết vụ án hành chính là nói đến một chức năng cụ thể của Tòa án nhân dân. Việc trao cho Tòa án chức năng xét xử các vụ án hành chính tạo ra cơ chế riêng độc lập, khách quan, công khai, dân chủ, công bằng hơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức trước khả năng bị xâm hại bởi quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước. Do vậy việc giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân vừa có những đặc điểm chung về giải quyết các loại án, vừa có nét đặc thù riêng. Trong sách, báo hay các công trình khoa học cụm từ “Giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân” thường được gọi là

“Giải quyết khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân”, được nhắc đến như một hiện tượng pháp lý quan trọng và được tiếp cận dưới những khía cạnh khác nhau.

Giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân là việc xem xét và ra phán quyết có giá trị pháp lý nhằm giải quyết tranh chấp liên quan đến một QĐHC hay HVHC. Xét xử là hoạt động đặc trưng, là chức năng, nhiệm vụ của Tòa án. Tòa án là cơ quan duy nhất của một nước được đảm nhiệm chức năng xét xử. Mọi bản án do Tòa án tuyên đều phải thông qua hoạt động xét xử...[39, tr.576]. Như vậy, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình TAND được nhân danh quyền lực Nhà nước để tiến hành xem xét, đánh giá và ra phán quyết về tính hợp pháp của QĐHC, HVHC bị khởi kiện theo trình tự, thủ tục tổ tụng do pháp luật qui định nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, góp phần nâng cao hiệu lực hành pháp.

Trong thực tế, thuật ngữ “Giải quyết vụ án hành chính” thường được hiểu theo những cách sau:

Thứ nhất: “Giải quyết VAHC” chỉ là hoạt động xét xử các tranh chấp hành chính phát sinh giữa các cơ quan hành chính Nhà nước với các tổ chức, công dân trong xã hội do Tòa án nhân dân thực hiện theo trình tự tổ tụng. Theo cách hiểu này thì giải quyết vụ án hành chính đồng nghĩa với xét xử hành chính.

Thứ hai: “Giải quyết VAHC” là toàn bộ các hoạt động phán xét tính đúng đắn của các QĐHC hoặc hành vi quản lý khi nảy sinh khiếu kiện, tranh chấp, bao gồm giải quyết “khiếu”(khiếu nại) và giải quyết “kiện”(khởi kiện). Như vậy giải quyết VAHC sẽ bao gồm xét xử hành chính và các cơ chế giải quyết tranh chấp hành chính khác, đặc biệt là việc giải quyết của chính cơ quan hành chính Nhà nước (như cơ chế giải quyết khiếu nại hiện nay).

Thứ ba: Giải quyết VAHC là việc giải quyết các khiếu nại hành chính được thực hiện bởi các cơ quan chuyên trách thuộc hệ thống hành pháp theo trình tự, thủ tục có tính chất tư pháp, phù hợp với đặc điểm và yêu cầu của việc giải quyết các tranh chấp hành chính(hành chính tài phán) [42, tr. 20].

Từ khi Luật TTHC có hiệu lực, người dân có nhiều điều kiện thực hiện quyền khởi kiện VAHC, quy trình khởi kiện cũng tiến bộ hơn nhằm bảo đảm tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên cho đến nay án hành chính vẫn còn khá mới mẻ ở Việt Nam cả về phương diện lý luận và thực tiễn xét xử so với án hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình vốn đã có từ lâu trong lịch sử tư pháp Việt Nam. Việc giải quyết VAHC có những đặc thù nhất định xuất phát từ chủ thể và đối tượng của tranh chấp hành chính so với việc giải quyết các vụ án dân sự, hình sự, hôn nhân gia đình hay kinh doanh thương mại.

1.1.2. Đặc điểm của giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

- **Thứ nhất**, hoạt động giải quyết vụ án hành chính tại TAND là việc Tòa án nhân dân xem xét để phán quyết về tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động hành pháp của cơ quan hành chính nhà nước trong quá trình tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước. Sự ra đời của Tòa hành chính với chức năng xét xử án hành chính mà một bên trong quan hệ tố tụng là chủ thể đặc biệt, chủ thể được sử dụng quyền lực nhà nước là sự chuyển biến căn bản về tư tưởng lập pháp, trong đó vấn đề quan trọng là thể chế quan điểm của Đảng về kiểm soát quyền lực nhà nước. Trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định cụ thể vấn đề quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sự bổ sung này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thể hiện một bước phát triển mới về nhận thức lý luận xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta. Đến Hiến pháp năm 2013 đã thể chế hóa quan điểm về kiểm soát quyền lực Nhà nước, khẳng định Tòa án là cơ quan xét xử của nước CHXHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Sự phân công rõ ràng, đúng đắn giữa quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp tạo cơ sở pháp lý quan trọng để kiểm soát quyền lực Nhà nước. Như vậy hoạt động xét xử án hành chính sẽ tạo ra cơ chế kiểm soát có hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý hành chính nhà nước trong quá trình quản lý, điều hành xã hội, khắc phục những biểu hiện lạm quyền, lộng quyền hoặc trốn tránh trách nhiệm. Bởi vì từ trước đến nay mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước và người dân luôn là

mối quan hệ “không bình đẳng” giữa một bên là chủ thể quản lý và một bên là đối tượng quản lý. Vì vậy những mâu thuẫn, bất đồng giữa cơ quan nhà nước và người dân xảy ra ở nhiều lĩnh vực và thông qua chính hoạt động của hành pháp mà tạo ra đối tượng giải quyết khiếu kiện tại Tòa án nhân dân, đó chính là các QĐHC, HVHC mà đối tượng đó là một yếu tố, một tiền đề cho việc mở ra một thủ tục mới đó là hoạt động giải quyết vụ án hành chính tại TAND. Tòa án có quyền hủy bỏ các QĐHC trái pháp luật, buộc chủ thể quản lý hành chính nhà nước phải chấm dứt hành vi trái pháp luật. Từ đó có thể phát hiện những khiếm khuyết của pháp luật hành chính, của hoạt động quản lý hành chính nhà nước để đưa ra giải pháp sửa đổi, bổ sung, chấn chỉnh cho phù hợp. Nội dung này chính là cơ chế kiểm tra, giám sát và giải quyết các tranh chấp hành chính bằng con đường tư pháp-một kênh giám sát cơ quan quản lý nhà nước từ bên ngoài.

- **Thứ hai**, khiếu kiện hành chính liên quan đến các QĐHC, HVHC, thực chất là liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước. Việc xét xử vụ án hành chính là xét xử các tranh chấp giữa chủ thể quản lý hành chính nhà nước và đối tượng quản lý hành chính nhà nước phát sinh do việc ban hành QĐHC, HVHC của chủ thể quản lý hành chính nhà nước. Một bên trong VAHC bao giờ cũng là chủ thể quản lý hành chính Nhà nước và một bên còn lại là đối tượng quản lý nhà nước. Vì vậy để đảm bảo tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, pháp luật cho phép đối tượng quản lý hành chính nhà nước có quyền khởi kiện chủ thể quản lý hành chính nhà nước nếu có căn cứ cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi QĐHC, HVHC. Như vậy có thể nói giải quyết VAHC là hoạt động nhà nước đặc biệt do Tòa án thực hiện bởi người bị kiện trong VAHC là chủ thể đặc biệt. Tính đặc biệt thể hiện ở chỗ, chủ thể quản lý hành chính nhà nước trong hoạt động của mình có quyền nhân danh nhà nước ban hành các văn bản pháp luật để đặt ra quy phạm pháp luật hoặc mệnh lệnh cụ thể buộc đối tượng bị quản lý có liên quan phải thực hiện. Trường hợp đối tượng bị quản lý hành chính không thực hiện có thể bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật. Tòa án là cơ quan xét xử, chủ thể quản lý hành chính nhà nước nhưng thực tế

vẫn là đối tượng của hoạt động quản lý hành chính nhà nước, điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động xét xử nói chung và xét xử án hành chính nói riêng. Vấn đề độc lập xét xử của Tòa án với chủ thể quản lý hành chính nhà nước vẫn đang còn là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, xem xét và hoàn thiện.

- **Thứ ba**, chức năng giải quyết KKHC hay xét xử hành chính là một trong những chức năng của TAND. Tòa án nhân dân với chức năng xét xử đã khẳng định được vị thế, vai trò, tầm quan trọng của mình trong đời sống xã hội. Vai trò của Tòa án đã được khẳng định trong nhiều bản Hiến pháp của Việt Nam qua các thời kỳ và tiếp tục được ghi nhận tại khoản 3 Điều 102 Hiến pháp 2013: *“Tòa án có nhiệm vụ bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”*[26]. Tài phán hành chính nói chung và Luật TTHC của Việt Nam nói riêng còn rất mới so với các ngành luật khác nên pháp luật hành chính còn nhiều bất cập và đang trong quá trình hoàn thiện. Hệ thống Tòa hành chính chính thức được thành lập vào năm 1996 bên cạnh các Tòa chuyên trách khác có thể coi là một thiết chế tài phán mới-thiết chế bảo vệ hữu hiệu đối tượng của hoạt động quản lý nhà nước. Tòa hành chính ra đời là dấu mốc đánh dấu sự ra đời của ngành luật hành chính Việt Nam. Đây cũng là mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN. Hoạt động xét xử án hành chính thể hiện chế độ trách nhiệm giữa Nhà nước với công dân, bảo đảm thực hiện quyền công dân và pháp chế trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước thông qua thủ tục tố tụng với những nguyên tắc dân chủ, công khai, bình đẳng. Tòa án nhân danh Nhà nước thông qua hoạt động xét xử của mình có thể ra phán quyết buộc các bên trong vụ án hành chính phải chấp hành phán quyết của mình (gồm cả bên khởi kiện: cá nhân, cơ quan, tổ chức và bên bị kiện: có thể là cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức trong cơ quan Nhà nước). Trong trường hợp bên khởi kiện thắng kiện thì thực chất đó là Tòa án yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước, cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước phải chấp hành quyết định của Tòa án. Điều này cần có cơ chế đặc thù để bản án, quyết định của Tòa án được thi hành nghiêm chỉnh.

1.1.3. Vai trò của giải quyết vụ án hành chính.

Một là, giải quyết vụ án hành chính có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức là đối tượng của quản lý hành chính nhà nước, vừa đảm bảo quyền khiếu kiện của công dân vừa bảo đảm các quyền tự do khác của công dân.

Hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước diễn ra thường xuyên trên hầu hết các lĩnh vực và thường xuyên tác động trực tiếp đến lợi ích của người dân nên nguy cơ vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân là rất lớn. Khi tình trạng khiếu nại hành chính có xu hướng ngày càng tăng, việc giải quyết của các cơ quan hành chính ngày càng tỏ ra kém hiệu quả thì cần thiết phải tìm ra những giải pháp mới hữu hiệu hơn để giải quyết vấn đề này. Đó chính là thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp hành chính thông qua hoạt động xét xử của Tòa án. Đây là quy định hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với chức năng xét xử của Tòa án, trong đó hoạt động xét xử hành chính với những đặc thù riêng biệt đã đóng góp vai trò quan trọng bảo vệ quyền và lợi ích của công dân trong mối quan hệ giữa nhà nước và công dân. Tòa án nhân dân là cơ quan độc lập thực hiện chức năng giải quyết KKHC hay xét xử hành chính, giải quyết tranh chấp hành chính phát sinh giữa một bên là cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước với một bên là cá nhân, tổ chức trong xã hội, thông qua quan hệ tố tụng thì các bên tham gia tố tụng bình đẳng, có quyền, nghĩa vụ theo qui định. Chỉ có Tòa án nhân dân mới được nhân danh Nhà nước ra các phán quyết buộc một cơ quan quản lý hành chính nhà nước phải chấp hành bản án, quyết định của Tòa án trong vụ án hành chính. TAND đóng vai trò quan trọng khi giải quyết KKHC vừa đảm bảo quyền khiếu kiện của công dân vừa bảo đảm các quyền tự do khác của công dân. Bản thân KKHC là một quyền của công dân, và khi giải quyết KKHC tại TAND là một cách để bảo vệ quyền của cá nhân, tổ chức khiếu kiện hành chính ưu việt nhất, đảm bảo quan trọng nhất cho việc giải quyết các tranh chấp mâu thuẫn giữa Nhà nước với công dân.

Ở Việt Nam, việc giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân được coi là một công cụ mới có hiệu quả để bảo vệ các quyền công dân. Thông qua hoạt động xét xử của Tòa án các QĐHC, HVHC sai trái ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức sẽ bị hủy bỏ hoặc chấm dứt, góp phần đảm bảo mục tiêu của nhà nước pháp quyền XHCN đó là thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ nhân dân, đảm bảo kỷ cương xã hội.

Hai là, giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân có vai trò quan trọng trong kiểm soát quyền lực nhà nước.

Tòa án nhân dân thông qua hoạt động giải quyết vụ án hành chính mà cụ thể là hoạt động xét xử án hành chính sẽ có tác động phát huy hiệu quả hoạt động của nền hành chính nhà nước, bởi vì với bản chất dân chủ, Nhà nước ta luôn coi trọng sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân lao động vào hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội, tiếp thu những kiến nghị, giải pháp, khiếu nại, tố cáo của người dân nhằm tăng cường hoạt động của bộ máy nhà nước có hiệu quả, phục vụ quyền và lợi ích của nhân dân. Hoạt động xét xử hành chính là công cụ bảo đảm pháp chế và kỷ luật trong hoạt động quản lý hành chính.

Khía cạnh đầu tiên của việc bảo đảm pháp chế là kỷ luật là ngăn chặn sự lạm quyền trong quá trình quản lý hành chính, ngăn chặn việc vượt quá giới hạn thẩm quyền được trao, ngăn chặn việc sử dụng thẩm quyền sai mục đích hoặc không hành động trái pháp luật. Xét xử hành chính sẽ góp phần làm cho bộ máy hành chính nhà nước nâng cao trách nhiệm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế XHCN, nâng cao trách nhiệm, bổn phận của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ, tôn trọng và bảo vệ quyền tự do dân chủ, lợi ích hợp pháp của công dân. Bên cạnh đó hoạt động này còn là biện pháp kiểm tra, giám sát hữu hiệu hoạt động đối với cơ quan hành chính nhà nước, tránh được hiện tượng lạm quyền, lộng quyền, trốn tránh trách nhiệm, quan liêu... góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước trong sạch, năng động, có hiệu quả, đáp ứng ngày một tốt hơn dịch vụ hành chính công. Tiếp đó hoạt động xét xử hành chính còn bảo đảm cho hoạt động quản lý được thực hiện đúng nội dung, hình thức và công bằng giữa các cá

nhân, tổ chức có liên quan. Với ý nghĩa như vậy Tòa án có điều kiện loại bỏ hoặc chấm dứt những hoạt động hành chính sai trái hoặc khẳng định tính đúng đắn của hoạt động hành chính (nếu yêu cầu khởi kiện là không có cơ sở) từ đó nâng cao hiệu quả và hiệu lực của hoạt động quản lý.

Thực chất, vai trò kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước là vai trò phát sinh của hoạt động xét xử hành chính. Nó xuất hiện như là hệ quả của việc bảo vệ quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức khởi kiện. Bởi lẽ, hoạt động xét xử hành chính của Tòa án luôn mang tính thụ động, bởi nếu không có yêu cầu khởi kiện thì hoạt động xét xử sẽ không phát sinh.

1.2. Thẩm quyền, nguyên tắc, thủ tục giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

1.2.1. Thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

1.2.1.1. Thẩm quyền về đối tượng.

Luật TTHC năm 2015 đã kế thừa Luật TTHC 2010 là dùng phương pháp loại trừ để mở rộng thẩm quyền giải quyết của TAND đối với các KKHC, qui định cụ thể tại Điều 30 thì các KKHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bao gồm: “1. Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, trừ các quyết định, hành vi sau đây:

- a) Quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo quy định của pháp luật;
 - b) Quyết định, hành vi của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính, xử lý hành vi cản trở hoạt động tố tụng;
 - c) Quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức.
2. Khiếu kiện quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức giữ chức vụ từ Tổng Cục trưởng và tương đương trở xuống.
3. Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

4. Khiếu kiện danh sách cử tri”.

Theo Luật TTHC 2015, quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể (Khoản 1 Điều 3 Luật TTHC 2015).

Hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật (Khoản 1 Điều 3 Luật TTHC 2015).

Như vậy Luật TTHC 2015 ngoài việc tiếp tục kế thừa các quy định của Luật TTHC 2010 về những khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thì còn có những sửa đổi, bổ sung sau:

Thứ nhất, điều luật bổ sung quy định loại trừ đối tượng khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định, hành vi của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính, xử lý hành vi cản trở hoạt động tố tụng.

Thứ hai, thực hiện khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 về việc quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật, trong quá trình xây dựng dự án Luật Tố tụng hành chính (sửa đổi), có ý kiến đề nghị cần luật hóa danh mục các QĐHC, HVHC thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tuy nhiên, để phù hợp với thực tiễn áp dụng, nhiều ý kiến đề nghị không cụ thể hóa mà danh mục này sẽ theo quy định của văn bản pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Cho nên, điểm a khoản 1 Điều 30 Luật TTHC 2015 đã sửa đổi đối với QĐHC, HVHC thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao là “theo quy định của pháp luật” chứ không phải là do Chính phủ quy định như trước đây.

Thứ ba, nhằm mở rộng đối tượng khởi kiện VAHC là “danh sách cử tri trung cầu ý dân” cho phù hợp với quy định của Luật Trưng cầu ý dân năm 2015, khoản 4 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 đã bỏ cụm từ “bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách cử tri bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân” ở khoản 2 Điều 28 Luật TTHC 2010 và sửa đổi lại là “Khiếu kiện danh sách cử tri”.

1.2.1.2. Phân cấp thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính tại TAND.

a) Thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hành chính của Tòa án cấp huyện được quy định tại Điều 31 Luật TTHC năm 2015. Xét về nội dung của những quy định nêu trên thì Tòa án cấp huyện chỉ có thẩm quyền xét xử hành chính sơ thẩm đối với các khiếu kiện có người bị kiện là cơ quan nhà nước ở cấp huyện trở xuống hoặc là người có thẩm quyền trong các cơ quan, tổ chức ở cấp huyện trở xuống (người bị kiện ở địa phương) trừ quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện (đây là quy định mới so với Luật TTHC năm 2010); Tòa án có thẩm quyền là Tòa án có cùng phạm vi địa giới hành chính với người bị kiện.

b) Thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hành chính của Tòa án cấp tỉnh: được quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật TTHC năm 2015.

So với các quy định của Luật TTHC 2010, Điều 31 và Điều 32 Luật TTHC 2015 có những sửa đổi, bổ sung cơ bản để phân định rõ thẩm quyền giải quyết các VAHC giữa Tòa án cấp huyện với Tòa án cấp tỉnh:

Thứ nhất, có sự thay đổi lớn về thẩm quyền giải quyết các VAHC của Tòa án cấp huyện và Tòa án cấp tỉnh trong Luật TTHC 2015. Đó là, đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện thì thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc về Tòa án cấp tỉnh chứ không còn thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện như quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2010. Quy định này có ý nghĩa trong việc thúc đẩy dân chủ, công khai, minh bạch nền hành chính; tạo điều kiện để thẩm phán thực hiện tốt nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Thứ hai, khoản 8 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 quy định: *“Trường hợp cần thiết, Tòa án cấp tỉnh có thể lấy lên giải quyết vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định tại Điều 31 của Luật này”*. Quy định này đã được hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật TTHC. Theo các nội dung đã được hướng dẫn thì các khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện như thuộc trường hợp các thẩm phán phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi và các vụ án có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp thì cũng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh.

1.2.1.3. Xác định thẩm quyền trong trường hợp vừa có đơn khiếu nại, vừa có đơn khởi kiện.

Nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng và luật hóa các quy định của pháp luật còn phù hợp, trên cơ sở hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP, Điều 33 Luật TTHC 2015 đã xác định rõ thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo sự lựa chọn của người khởi kiện trong trường hợp người khởi kiện vừa có đơn khiếu nại, vừa có đơn khởi kiện VAHC tại Tòa án. Theo đó trường hợp người khởi kiện khi cho rằng QĐHC, HVHC xâm phạm tới quyền, lợi ích chính đáng của mình thì họ hoàn toàn có quyền tự do lựa chọn cơ quan sẽ giải quyết khiếu kiện hành chính của mình mà không cần phải thông qua thủ tục “tiền tố tụng” như trong quy định của PLTTGQCVAHC, tạo điều kiện cho người khởi kiện được chủ động việc khởi kiện của mình. Trong trường hợp người khởi kiện không lựa chọn cơ quan giải quyết thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện. Còn trong trường hợp nhiều người vừa khởi kiện VAHC tại Tòa án có thẩm quyền, đồng thời có đơn khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại và tất cả những người này đều lựa chọn một trong hai cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Do quy định khá rõ ràng ở việc phân định thẩm quyền trong trường hợp vừa có đơn khiếu nại, vừa có đơn khởi kiện giúp cho cơ quan chức năng dễ dàng trong việc tiếp nhận, giải quyết các khiếu kiện hành chính khi thuộc thẩm quyền của mình và cũng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc xác định con đường giải quyết khiếu kiện hành chính.

1.2.1.4. Chuyển vụ án cho Tòa án khác và giải quyết tranh chấp về thẩm quyền

Việc chuyển vụ án cho Tòa án khác trong trường hợp Tòa án đã thụ lý VAHC nhưng sau đó phát hiện đây là vụ án khác hoặc thuộc thẩm quyền của Tòa án khác đã được hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP. Các nội dung này đã được luật hóa tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 34 Luật TTHC 2015, cụ thể là: Trong quá trình giải quyết VAHC theo thủ tục sơ thẩm; Trong trường hợp trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm; Sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm; Khi xét xử phúc thẩm; Khi xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm VAHC theo quy định của pháp luật.

Để thống nhất với các quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 về cơ cấu, tổ chức và thẩm quyền của các Tòa án, khoản 7 Điều 34 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết VAHC giữa các Tòa án, đây là những quy định pháp luật làm cơ sở cho việc giải quyết các trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền, nhằm hạn chế tối đa việc hủy án do sai về thẩm quyền.

1.2.1.5. Nhập hoặc tách vụ án hành chính

Để tránh việc áp dụng tùy tiện và phù hợp với thực tiễn, trên cơ sở hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP, Điều 35 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đã quy định cụ thể việc nhập hoặc tách VAHC là tòa án nhập hai hoặc nhiều vụ án mà Tòa án đã thụ lý riêng biệt thành một vụ án để giải quyết bằng một VAHC khi có đủ các điều kiện sau đây như trường hợp chỉ có một người khởi kiện đối với nhiều quyết định hành chính, hành vi hành chính đều do một cơ quan, tổ chức hoặc một người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức ban hành, thực hiện và

có mối liên hệ mật thiết với nhau hoặc các vụ án thụ lý riêng biệt có nhiều người khởi kiện đối với cùng một quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính tuy nhiên không được vi phạm thời hạn xét xử; Tòa án tách một vụ án có các yêu cầu khác nhau thành hai hoặc nhiều VAHC khác nhau để giải quyết trong trường hợp quyết định hành chính bị khởi kiện liên quan đến nhiều người khởi kiện và quyền lợi, nghĩa vụ của những người khởi kiện đó không liên quan với nhau.

Như vậy so với Luật Tố tụng hành chính năm 2010, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đã có nhiều sửa đổi, bổ sung liên quan đến thẩm quyền của Tòa án trong việc giải quyết các khiếu kiện hành chính. Những sửa đổi, bổ sung này đã cụ thể hóa được các quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong công tác giải quyết, xét xử các khiếu kiện hành chính, bảo đảm cho Tòa án thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm trình tự và thủ tục tố tụng hành chính có tính khả thi, minh bạch, công khai, công bằng và thuận lợi cho người tham gia tố tụng thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

1.2.2. Nguyên tắc giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

Cũng như hoạt động giải quyết các loại án khác tại TAND, hoạt động giải quyết vụ án hành chính tại TAND cũng phải tuân thủ các nguyên tắc pháp lý nhất định được qui định trong pháp luật tố tụng hành chính cũng như các văn bản pháp lý khác, trong đó có một số nguyên tắc mang tính đặc trưng cụ thể sau:

- Nguyên tắc pháp chế XHCN trong Tố tụng hành chính

Thực tiễn nhu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam đã đặt ra vấn đề cần phải có một cơ chế kiểm soát hữu hiệu hoạt động của cơ quan Nhà nước và cán bộ công chức, nhân viên nhà nước trong quá trình quản lý, điều hành xã hội. Tòa hành chính ra đời với chức năng xét xử các vụ án hành chính đã góp phần khắc phục những biểu hiện quan liêu, lợi dụng quyền lực nhà nước trong khi thi hành công vụ, góp phần bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước. Tuy nhiên việc xét xử của Tòa án cũng đòi hỏi phải tiến hành theo đúng quy định của pháp

luật. Vì vậy, tuân thủ nguyên tắc pháp chế là yêu cầu bắt buộc trong quản lý nhà nước và trong hoạt động tổ tụng hành chính.

- *Nguyên tắc xét xử tập thể vụ án hành chính*

Tại Điều 15 Luật TTHC năm 2015 quy định: “*Tòa án xét xử tập thể vụ án hành chính và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn*”.

Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính gồm một thẩm phán và hai hội thẩm nhân dân, trong trường hợp đặc biệt thì hội đồng xét xử gồm hai thẩm phán và ba hội thẩm nhân dân. Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính gồm ba thẩm phán.

Xét xử hành chính khác hoạt động giải quyết khiếu nại hành chính: xét xử thể hiện ở việc Tòa án phải mở phiên Tòa, tuân theo trình tự, thủ tục tổ tụng hành chính. Hội đồng xét xử tham gia tiến hành tổ tụng trên cơ sở tiến hành các hoạt động từ thủ tục bắt đầu phiên Tòa, hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên Tòa, từ đó làm cơ sở đưa ra bản án, quyết định để giải quyết vụ án. Phiên tòa diễn ra công khai trên cơ sở hồ sơ vụ án và diễn biến thực tế tại phiên Tòa để hội đồng xét xử có căn cứ xem xét toàn diện, đầy đủ hơn việc giải quyết vụ án và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn. Còn việc giải quyết khiếu nại hành chính tuân theo qui định của Luật giải quyết khiếu nại trong thời hạn nhất định. Người giải quyết khiếu nại là chủ thể quản lý hành chính Nhà nước, trên cơ sở các quy định của pháp luật, chủ thể quản lý hành chính Nhà nước ban hành quyết định giải quyết khiếu nại hành chính.

- *Nguyên tắc bảo đảm quyền quyết định và tự định đoạt của người khởi kiện trong TTHC.*

Ở Việt Nam việc xét xử hành chính được coi là một công cụ mới có hiệu quả để bảo vệ các quyền công dân. Xuất phát từ mối quan hệ bất bình đẳng giữa chủ thể quản lý hành chính nhà nước và đối tượng quản lý, cá nhân, tổ chức có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại bởi các QĐHV, HVHC của cơ quan quản lý nhà nước, chủ thể quản lý nhà nước có rất ít cơ hội cho việc thỏa thuận trong trường hợp xảy ra tranh chấp do tính chất đơn phương mệnh lệnh của hoạt động quản lý nhà nước.

Khởi kiện là cách thức bảo vệ quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức một cách hiệu quả và mang tính chủ động trước sự ảnh hưởng từ hoạt động quản lý hành chính. Pháp luật quy định công dân có quyền khởi kiện vụ án hành chính nhằm bảo vệ mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN đó là thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, đảm bảo kỷ cương, xã hội. Theo đó trong Luật TTHC việc bảo đảm quyền quyết định và tự định đoạt của người khởi kiện thể hiện ở việc:

Thứ nhất, cá nhân, tổ chức có quyền lựa chọn phương thức giải quyết khiếu kiện hành chính theo qui định của pháp luật. Hiện nay ở nước ta có hai phương thức giải quyết KKHC đó là: phương thức giải quyết khiếu nại hành chính theo luật giải quyết khiếu nại, tố cáo và phương thức giải quyết xét xử VAHC theo thủ tục TTHC. Mỗi phương thức giải quyết đều có những đặc thù riêng. Cá nhân, tổ chức hoàn toàn có quyền tự do lựa chọn phương thức giải quyết KKHC phù hợp, Nhà nước không được đặt ra bất kỳ một hạn chế cản trở cá nhân, tổ chức này lựa chọn phương thức giải quyết KKHC để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ khi việc lựa chọn phương thức của họ đã tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Thứ hai, người khởi kiện có quyền quyết định về đối tượng khởi kiện và nội dung của yêu cầu khởi kiện VAHC, có quyền rút, thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của mình theo quy định của pháp luật (Điều 8 Luật TTHC 2015). **Xét trên phương diện lý luận thì quyền khởi kiện VAHC là quyền chủ quan của các cá nhân, tổ chức có quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm bởi các QĐHC, HVHC.** Người khởi kiện xuất phát từ ý chí chủ quan của mình để lựa chọn đối tượng khởi kiện, nội dung khởi kiện VAHC, và sự lựa chọn, nhận định đó có thể đúng, sai, thừa, thiếu, phù hợp hoặc không phù hợp với quy định của pháp luật, nên người khởi kiện có quyền rút, thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của mình trong quá trình giải quyết VAHC tại TAND. Những đối tượng khởi kiện và nội dung khởi kiện, yêu cầu của người khởi kiện phải nằm trong phạm vi thẩm quyền giải quyết KKHC của Tòa án nhân dân do pháp luật quy định.

- *Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.*

Đây là nguyên tắc rất quan trọng và chủ đạo trong thủ tục tố tụng nói chung và quá trình giải quyết VAHC theo thủ tục Tố tụng hành chính nói riêng. Khi nguyên tắc này được đảm bảo thì việc giải quyết VAHC tại TAND được tiến hành một cách khách quan, công bằng, đúng pháp luật. Người tiến hành tố tụng như chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên và người tham gia tố tụng như gồm đương sự, người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch tham gia trong VAHC với những vai trò khác nhau, nhưng việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của họ đều có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình và kết quả của việc giải quyết vụ án hành chính. Vì vậy việc bảo đảm sự vô tư của những người này trong TTHC không chỉ tạo điều kiện thuận lợi để họ thực hiện tốt vai trò của mình mà còn là nhân tố quyết định đối với việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong VAHC.

- *Nguyên tắc Thẩm phán và hội thẩm nhân dân xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.*

Nguyên tắc này thể hiện sự ngang bằng nhau về quyền của người tiến hành tố tụng. Ở Việt Nam việc hội thẩm tham gia vào quá trình xét xử nói chung và xét xử án hành chính nói riêng “là biểu hiện cụ thể của hình thức nhân dân tham gia trực tiếp vào quản lý nhà nước, các cá nhân với tư cách là HTND không chịu sự ràng buộc trực tiếp từ quy chế công vụ, nên việc tham gia xét xử của họ là điều kiện quan trọng để Tòa án có thể giải quyết VAHC một cách dân chủ, khách quan và có ý nghĩa giáo dục thiết thực. Thẩm phán và HTND phải căn cứ vào pháp luật hiện hành để phán quyết các vấn đề của VAHC. Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và hội thẩm nhân dân khi xét xử VAHC không chỉ bảo đảm tính thống nhất của hoạt động tố tụng hành chính, phù hợp với nguyên tắc pháp chế XHCN mà còn có ý nghĩa trong việc bảo đảm tính thuyết phục và khả năng thực thi của các bản án, quyết định của Tòa án về VAHC” [11, tr.16].

Ngoài các nguyên tắc đặc trưng trên thì trong quá trình giải quyết VAHC còn phải tuân thủ các nguyên tắc khác như: Nguyên tắc xét xử VAHC công khai; Nguyên tắc quyền bào chữa của đương sự; Nguyên tắc bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong TTHC; Nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong TTHC; Nguyên tắc bảo đảm quyền dung tiếng nói, chữ viết của các dân tộc trong TTHC; Nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHC.

1.2.3. Thủ tục giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

1.2.3.1. Thủ tục sơ thẩm vụ án hành chính

a) Căn cứ phát sinh vụ án hành chính sơ thẩm:

- Khởi kiện vụ án hành chính: là quyền tự định đoạt của cá nhân, tổ chức, cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức yêu cầu TAND bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi có căn cứ cho rằng các quyền và lợi ích đó bị xâm hại trái pháp luật hoặc không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại trong giai đoạn tiền tố tụng [29, tr.163]. Quyền và lợi ích bị xâm phạm của người khởi kiện có thể là lợi ích vật chất hay lợi ích tinh thần. Điều kiện cần ở đây là sự khẳng định tồn tại một hành vi vi phạm từ phía cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước, còn hành vi này có thực sự tồn tại trên thực tế hay không là phần việc nằm trong giai đoạn xem xét giải quyết về phần nội dung của vụ việc. Theo Ths Nguyễn Thị Hoàng Bạch Yến, hành vi khởi kiện vụ án hành chính “*làm xuất hiện nghĩa vụ của Tòa án là phải xem xét và giải quyết yêu cầu của người khởi kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính và các quyết định mang tính hành chính khác do pháp luật quy định. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án không có hiện tượng phản tố như đối với các vụ án dân sự, kinh doanh, thương mại và lao động*” [47, tr.31].

+ Về chủ thể khởi kiện:

Chủ thể khởi kiện phải đáp ứng các điều kiện chung là phải có năng lực pháp luật TTHC và năng lực hành vi TTHC.

Khi không đồng ý với QĐHC, HVHC, công dân có thể khởi kiện ngay ra Tòa mà không cần phải thực hiện thủ tục “tiền tố tụng” như quy định tại

PLTTGQCVAHC. Quy định này kế thừa Điều 103 Luật TTHC năm 2010 được coi là bước đổi mới căn bản về điều kiện, cơ chế giải quyết khiếu kiện hành chính theo tinh thần Nghị quyết số 49 của Bộ chính trị. Việc bỏ thủ tục khiếu nại hành chính trước khi khởi kiện ra Tòa cũng nhằm rút ngắn quá trình giải quyết tranh chấp giữa công dân và các cơ quan công quyền, tạo thuận lợi tối đa cho người dân trong việc khởi kiện VAHC, giúp họ kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo quy định của Luật TTHC 2015 các trường hợp cần chú ý về chủ thể khởi kiện: Một là chủ thể khởi kiện VAHC về danh sách cử tri là người có quyền khiếu nại theo quy định của Luật bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Hai là chủ thể khởi kiện QĐKLBTV công chức là công chức giữ chức vụ từ Tổng cục trưởng và tương đương trở xuống. Ba là về chủ thể khởi kiện đối với quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

+ Về điều kiện khởi kiện

Các điều kiện khởi kiện VAHC không quy định trong một điều luật cụ thể nào mà nằm rải rác ở nhiều điều luật. Theo Luật TTHC 2015 các điều kiện khởi kiện bao gồm: Điều kiện về quyền khởi kiện; về đối tượng khởi kiện; đối với loại việc khởi kiện và Điều kiện đối với thời hiệu khởi kiện .

b) Thụ lý giải quyết vụ án hành chính: TAND có thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính thì sẽ có thẩm quyền thụ lý VAHC. Việc thụ lý VAHC là cơ sở đầu tiên phát sinh trách nhiệm của Tòa án trong việc giải quyết VAHC. Giữa khởi kiện và thụ lý VAHC có mối quan hệ chặt chẽ với nhau bởi lẽ khởi kiện là cơ sở để Tòa án thụ lý vụ án, không có khởi kiện sẽ không có thụ lý. Tuy nhiên không phải với bất cứ việc khởi kiện nào Tòa án cũng có thể thụ lý được. Tòa án chỉ thụ lý đơn khởi kiện khi đơn khởi kiện đó thỏa mãn các điều kiện luật định đó là: 1/ khi vụ việc khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND, không thuộc các trường hợp trả lại đơn kiện; 2/ đã thực hiện nghĩa vụ.

c) Chuẩn bị xét xử sơ thẩm:

Giai đoạn này được bắt đầu khi VAHC được Tòa án thụ lý và kết thúc khi Thẩm phán được phân công giải quyết VAHC đã chuẩn bị xong các tài liệu cần

thiết, các công việc cần thiết cho việc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm hoặc ban hành các quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án hành chính. Ở giai đoạn này có những vấn đề cần lưu ý như:

- Thu thập chứng cứ: đây là công việc quan trọng trong quá trình chứng minh làm sáng tỏ vụ án. Nó là tổng thể các hoạt động phát hiện, tìm ra, tập hợp đưa vào hồ sơ vụ án các tài liệu chứng cứ để nghiên cứu, đánh giá, sử dụng của các chủ thể có nghĩa vụ chứng minh nhằm giải quyết đúng đắn VAHC. Thu thập chứng cứ vừa là nghĩa vụ chứng minh của các đương sự, vừa là trách nhiệm của tòa án. Tòa án xác định đối tượng chứng minh, căn cứ vào quy định của pháp luật nội dung để xác định hệ thống chứng cứ, cũng như xác định thời hạn phù hợp cho quá trình thu thập chứng cứ.

- Nghiên cứu hồ sơ vụ án: là hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của thẩm phán được phân công xét xử vụ án. Hoạt động này được thực hiện sau khi đã xác minh, thu thập, nghiên cứu tương đối đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong vụ án. Việc nghiên cứu hồ sơ vụ án được thực hiện với nhiều hoạt động phức tạp khác nhau như đọc tài liệu, nghiên cứu tài liệu, trích cứu tài liệu. Thông qua hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm phán có điều kiện tìm hiểu nội dung, bản chất của vụ án thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thời có thể phát hiện ra những thiếu sót, sai lầm của những hoạt động tố tụng trước đó nhằm tìm biện pháp khắc phục, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ vụ án.

- Chuẩn bị điều kiện vật chất: Điều kiện vật chất được nói đến ở đây bao gồm phòng xử án, các trang thiết bị phục vụ cho phiên tòa xét xử sơ thẩm, bảo vệ phiên tòa. Theo quy định hiện hành thì thư ký là người được giao nhiệm vụ kiểm tra điều kiện vật chất. Giai đoạn này không chỉ bó hẹp trong phạm vi một phiên tòa mà cần được thực hiện thường xuyên. Thực hiện tốt khâu này thì phiên tòa mới có thể diễn ra theo đúng lịch trình, tạo điều kiện tốt cho hoạt động xét xử đạt hiệu quả cao hơn.

- Chuẩn bị thành phần tham gia phiên tòa: đây là yêu cầu hết sức cần thiết. Trước khi khai mạc phiên tòa, Thư ký kiểm tra xem những người được triệu tập đến

phiên tòa có tham dự đầy đủ hay không. Người nào vắng, vắng có lý do chính đáng hay không. Sau khi đã kiểm tra, thư ký báo cáo với HĐXX để HĐXX quyết định tiến hành phiên tòa, hoãn phiên tòa, đình chỉ phiên tòa.

d) Tổ chức phiên tòa sơ thẩm VAHC:

Mục đích của phiên tòa sơ thẩm là xem xét tính hợp pháp, hợp lý của các QĐHC, HVHC bị khởi kiện và xác định có hay không thiệt hại (chủ yếu là về vật chất) do các quyết định và hành vi này gây ra đối với cá nhân, tổ chức có liên quan. Thông qua hoạt động xét xử sơ thẩm VAHC tại TAND các bên đương sự (người khởi kiện và người bị kiện) được tranh luận bình đẳng với nhau, quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện công khai và đầy đủ nhất. Thành phần tham gia phiên Tòa gồm có HĐXX (một thẩm phán và hai hội thẩm nhân dân, trong trường hợp đặc biệt HĐXX sơ thẩm có thể gồm 2 thẩm phán và ba hội thẩm nhân dân); Thư ký phiên tòa; Kiểm sát viên; đương sự, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ngoài ra còn có người làm chứng, người giám định,... tùy theo từng vụ án cụ thể.

- Thủ tục bắt đầu phiên tòa: đây là giai đoạn mở đầu của phiên tòa xét xử VAHC. Các bước trong thủ tục bắt đầu phiên tòa cần được thực hiện hết, thẩm phán của phiên tòa không được bỏ sót bất kỳ thủ tục nào.

- Thủ tục xét hỏi tại phiên tòa: đây là một khâu trọng tâm của hoạt động xét xử VAHC nói chung và hoạt động xét xử sơ thẩm VAHC nói riêng. Thông qua xét hỏi, TAND sẽ lấy làm căn cứ để xác định sự thật của vụ án. Ở giai đoạn này HĐXX có thể tiến hành song song việc công bố các tài liệu chứng cứ, nghe băng ghi âm, đĩa ghi âm, ghi hình, xem lại các vật chứng.

- Thủ tục tranh luận: đây là giai đoạn thể hiện nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các đương sự, sự ngang bằng nhau về địa vị pháp lý của người khởi kiện và người bị kiện. Nội dung tranh luận là việc trình bày ý kiến bản thân, tập trung xoay quanh nội dung vụ án, là việc đánh giá chứng cứ và đề xuất hướng giải quyết vụ án. Ở giai đoạn này, HĐXX không tham gia mà chỉ lắng nghe ý kiến đối đáp giữa các bên, để thông qua đó đánh giá một cách khách quan và toàn

diện vụ án. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh tụng, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh tụng trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt ý kiến không liên quan đến vụ án.

- Nghị án: Sau khi kết thúc phần tranh luận, Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án nhằm thảo luận để đưa ra bản án sơ thẩm. Khi nghị án, HĐXX phải căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa để ra bản án, quyết định theo quy định pháp luật.

- Tuyên án: Sau khi đã chuẩn bị xong bản án, HĐXX trở lại phòng xử án và chủ tọa phiên tòa sẽ tuyên án. Khi tuyên án, mọi người phải đứng dậy, thực hiện theo đúng nghi thức.

- Thủ tục sau phiên tòa là gồm việc ghi biên bản phiên tòa, thực hiện sự phân công công việc của thẩm phán và cấp trích lục bản án hoặc quyết định về vụ án.

1.2.3.2. Thủ tục phúc thẩm vụ án hành chính

a) Căn cứ phát sinh vụ án hành chính phúc thẩm:

Để thụ lý phúc thẩm VAHC, Tòa án cấp phúc thẩm (Tòa án cấp trên trực tiếp của Tòa án đã ra bản án, quyết định sơ thẩm) phải tiến hành kiểm tra các điều kiện thụ lý trên cơ sở hồ sơ vụ án, đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đã được giao nhận. Theo quy định tại Điều 203 Luật TTHC năm 2015 thì: “*Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị*” [29]. Như vậy Tòa án chỉ thụ lý vụ án để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm sau khi đã có đầy đủ điều kiện, căn cứ thụ lý.

Người kháng cáo phải có quyền kháng cáo, người ra quyết định kháng nghị phải có thẩm quyền kháng nghị theo quy định của Luật TTHC.

Đối tượng kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm bao gồm: Bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của tòa cấp sơ thẩm. Bản án, quyết định hoặc những phần của bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm bị kháng

cáo, kháng nghị chưa được đưa ra thi hành, trừ trường hợp pháp luật quy định cho thi hành ngay.

Việc lập hồ sơ, tiến hành các thủ tục kháng cáo, kháng nghị phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và trong thời hạn cho phép.

b) Tổ chức phiên tòa phúc thẩm

Xét xử phúc thẩm là việc tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị nhằm kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án hoặc quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị để đảm bảo cho các bản án và các quyết định của tòa án được khách quan, đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và của cơ quan nhà nước. Bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị là bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm 03 Thẩm phán, trừ trường hợp xét xử phúc thẩm VAHC theo thủ tục rút gọn do một Thẩm phán thực hiện. Kiểm sát viên được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phân công có nhiệm vụ tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa khi Kiểm sát viên vắng mặt trong trường hợp Viện kiểm sát có kháng nghị. Phiên tòa chỉ được tiến hành khi có đủ thành viên HĐXX và Thư ký phiên tòa.

- Chuẩn bị mở phiên tòa: thủ tục cần thiết để mở phiên tòa phúc thẩm VAHC đầu tiên là nghiên cứu vụ án. Hồ sơ vụ án phúc thẩm gồm có các tài liệu: hồ sơ xét xử sơ thẩm, hồ sơ kháng cáo, kháng nghị, hồ sơ thu thập chứng cứ mới của tòa án phúc thẩm. Việc nghiên cứu hồ sơ trong giai đoạn này cần chú ý những nội dung: Kiểm tra về mặt tố tụng vụ án, nghiên cứu về nội dung toàn bộ vụ án, xem xét căn cứ, yêu cầu ra các quyết định tố tụng, tạm đình chỉ, đình chỉ, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, xác định những người cần triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm, tiến hành thủ tục cần thiết để mở phiên tòa, giải quyết trường hợp không mở phiên tòa phúc thẩm.

- Phiên tòa phúc thẩm: tương tự như phiên tòa sơ thẩm, gồm có: các thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục hỏi và công bố tài liệu, xem xét vật chứng tại phiên tòa

phúc thẩm, tranh luận tại phiên tòa, nghị án và tuyên án. Xét xử phúc thẩm VAHC có ý nghĩa trong việc khắc phục những sai lầm có thể có trong bản án, quyết định của tòa án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật; Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước. Thông qua hoạt động xét xử phúc thẩm, tòa án cấp trên có thể kiểm tra hoạt động xét xử của tòa án cấp dưới, từ đó có thể tổng kết rút kinh nghiệm, hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất trong hoạt động xét xử của hệ thống cơ quan tòa án.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

1.3.1. Hệ thống văn bản pháp luật về quản lý hành chính nhà nước

Có thể thấy rằng, giải quyết vụ án hành chính được thực hiện trên cơ sở các quy định của pháp luật cả về hình thức lẫn nội dung. Sự hoàn thiện hay không của pháp luật về quản lý hành chính nhà nước là cơ sở và đồng thời cũng là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả của việc giải quyết VAHC. Pháp luật có minh bạch, cụ thể và hoàn thiện thì việc giải quyết mới diễn ra thuận lợi, suôn sẻ. Ngược lại nếu pháp luật còn tồn tại những bất cập, hạn chế, vướng mắc thì việc giải quyết VAHC sẽ gặp nhiều khó khăn. Nên muốn hoạt động giải quyết VAHC đạt được hiệu quả cao thì trước hết hệ thống các quy định của pháp luật (bao gồm cả pháp luật về tố tụng và pháp luật về nội dung) phải ngày càng hoàn thiện theo các tiêu chí đồng bộ, toàn diện, thống nhất, phù hợp, khả thi, đáp ứng các yêu cầu về ngôn ngữ và kỹ thuật xây dựng pháp luật.

Có thể nói hệ thống pháp luật về quản lý hành chính của nước ta hiện nay đã điều chỉnh tương đối đầy đủ các lĩnh vực của đời sống xã hội, tuy nhiên thông qua thực tế thi hành đã bộc lộ những hạn chế thể hiện trên các khía cạnh như:

- Tính ổn định và thống nhất chưa cao: Hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật chỉ mới ban hành một thời gian ngắn là xuất hiện những bất cập, vướng mắc dẫn đến việc phải sửa đổi, bổ sung. Điển hình phải kể tới pháp luật về đất đai trong vòng 25 năm qua đã có tới 3 văn bản luật đất đai được ban hành, hay pháp

luật về xử phạt hành chính, pháp luật về thuế, pháp luật về cán bộ, công chức, cũng liên tục được sửa đổi bổ sung. Việc ban hành quá nhiều văn bản quy phạm pháp luật với hiệu lực pháp lý khác nhau, chồng chéo, mâu thuẫn... đã gây nhiều khó khăn trong việc áp dụng pháp luật và chấp hành pháp luật của người dân. Ngoài ra, không riêng gì luật mà những văn bản dưới luật như thông tư, nghị định... được ban hành cũng thể hiện sự không thống nhất với nhau.

- Tính khả thi chưa cao: thể hiện ở một số văn bản luật và rất nhiều văn bản dưới luật bao gồm cả những văn bản đã ban hành và những văn bản đang là dự thảo xa rời thực tế, hiệu quả áp dụng không cao.

1.3.2. Ý thức pháp luật của người tham gia tố tụng hành chính và cơ quan, người tiến hành tố tụng hành chính

Thực tế cho thấy, người khởi kiện là cá nhân, tổ chức (mà phần đa là dân thường) có sự hiểu biết về pháp luật hạn chế. Tuy nhiên khi tham gia tố tụng hành chính thì họ lại là những người trực tiếp ảnh hưởng tới hiệu quả giải quyết VAHC. Ý thức pháp luật của những người này thể hiện sự hiểu biết của họ về pháp luật và những biểu hiện, hoạt động, cách thức cư xử của họ trong suốt quá trình giải quyết VAHC. Ý thức pháp luật của những người này tốt sẽ giúp cho quá trình giải quyết VAHC được thuận lợi và suôn sẻ. Ngược lại người tham gia tố tụng có ý thức pháp luật kém thì sẽ gây ra những cản trở, khó khăn nhất định cho quá trình giải quyết vụ án hành chính.

Khác với những người tham gia tố tụng, Cơ quan, người tiến hành tố tụng là những chủ thể trực tiếp giải quyết VAHC, là những chủ thể được nhà nước trao quyền để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, đó là thực thi pháp luật và bảo vệ pháp luật, bảo vệ công lý và lẽ phải. Ý thức pháp luật của cơ quan, người tiến hành tố tụng là thái độ và nhận thức của họ về những quy định của pháp luật trong việc giải quyết VAHC, là cách thức mà cơ quan, người tiến hành tố tụng sử dụng quyền lực được trao trong việc thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình để giải quyết VAHC một cách công minh, đúng pháp luật và nhanh gọn. Như vậy ý thức pháp luật của những chủ thể này tốt thì sẽ có tác động tích cực tới kết quả giải quyết

của vụ án, còn ngược lại ý thức pháp luật của những chủ thể này kém thì sẽ dẫn đến việc giải quyết VAHC sẽ gặp nhiều khó khăn, có khi dẫn đến sự sai lệch. Trình độ của đội ngũ thẩm phán và những người tiến hành tố tụng trong các cơ quan tiến hành tố tụng là một yếu tố quan trọng tác động tới hiệu quả giải quyết VAHC. Để đưa ra được bản án, quyết định “thấu tình, đạt lý” thì đòi hỏi những người này phải có sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn quản lý hành chính nhà nước, pháp luật hành chính và cả những pháp luật liên quan. Đây thực sự là một thách thức lớn đặt ra cho cơ quan và những người làm công tác giải quyết án hành chính ở nước ta.

1.3.3. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án

Theo luật tổ chức Tòa án năm 2014 thì hệ thống Tòa án nước ta được tổ chức theo đơn vị hành chính: Tòa án tối cao, Tòa án cấp cao, Tòa án cấp tỉnh và Tòa án cấp huyện. Với quy định tổ chức Tòa án thành bốn cấp và trải đều trên tất cả các tỉnh của cả nước dẫn đến một thực trạng là có nơi Tòa án quá tải do án quá nhiều, có nơi thì Tòa án lại quá ít việc để làm. Về mặt tổ chức thì Tòa án nhân dân vẫn có mối liên hệ với HĐND cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức khác trong bộ máy quản lý Nhà nước. Mặc dù chủ trương của cải cách tư pháp là tăng thẩm quyền cho TAND, bảo đảm cho thẩm phán và tòa án được độc lập xét xử, song do những mối quan hệ phụ thuộc về tổ chức, nhân sự giữa Tòa án địa phương và chính quyền địa phương như điều kiện bổ nhiệm, tái bổ nhiệm... đã ảnh hưởng không nhỏ đến tính độc lập trong xét xử của Tòa án, đặc biệt là trong xét xử các VAHC mà người bị kiện là các cơ quan hoặc người có thẩm quyền trong bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương. Điều này không chỉ làm vị thế của thẩm phán ngày một yếu đi mà lâu dài còn ảnh hưởng tới niềm tin của người dân đối với tòa án. Quá trình giải quyết VAHC sẽ không còn ý nghĩa nếu Tòa án trong quá trình giải quyết tranh chấp chịu sự tác động của chủ thể bị kiện hay bất kỳ cơ quan Nhà nước nào khác

Thực tế hiện nay số thụ lý án ngày một tăng lên mà số lượng thẩm phán chưa đáp ứng đủ yêu cầu, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, kinh phí hoạt động của toà án nhiều nơi còn rất thiếu thốn điều này ảnh hưởng đến chất lượng và thời gian nghiên cứu giải quyết vụ án hành chính.

Kết luận chương 1

Tại chương 1, những vấn đề lý luận và pháp lý về “giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân” được nêu ra nhằm đưa ra một cái nhìn tổng quan nhất về khái niệm, đặc điểm, vai trò cũng như các nguyên tắc, thẩm quyền, thủ tục và những yếu tố ảnh hưởng tới việc giải quyết Vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân. Từ đó có thể thấy rằng việc giải quyết vụ án hành chính có rất nhiều khác biệt so với việc giải quyết các vụ án hình sự, dân sự, kinh doanh thương mại, bởi vì án hành chính là án “dân kiện quan” người khởi kiện là cá nhân, tổ chức còn người bị kiện là chủ thể quản lý hành chính nhà nước, vì vậy pháp luật phải có những quy định phù hợp và cơ chế đặc thù để nâng cao hiệu quả giải quyết vụ án hành chính. Tại chương 2 của luận văn, tác giả sẽ đi sâu phân tích thực tiễn giải quyết vụ án hành chính tại tỉnh Đồng Nai để đưa ra những đánh giá tổng quan dựa trên những số liệu đã thu thập được.

Chương 2

THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI.

2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến giải quyết vụ án hành chính tại Tỉnh Đồng Nai

2.1.1. Đặc điểm địa lý, dân cư và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai.

Tỉnh Đồng Nai nằm ở cực bắc miền Đông Nam Bộ, Đồng Nai giáp các tỉnh: phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận; phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh; phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Bình Phước; phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng. Đồng Nai có diện tích 5.862,37 km², bằng 1,76% diện tích tự nhiên của cả nước và 25,5% diện tích tự nhiên vùng Đông Nam Bộ, giữ vị trí quan trọng trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước, là cửa ngõ phía đông thành phố Hồ Chí Minh - một trung tâm kinh tế lớn của cả phía Nam, nối Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam Bộ bởi các tuyến giao thông huyết mạch như quốc lộ 1A, quốc lộ 51 và tuyến đường sắt Thống Nhất.

Đồng Nai có một thành phố trực thuộc là thành phố Biên Hòa, một thị xã trực thuộc là thị xã Long Khánh và 09 huyện bao gồm: Long Thành, Trảng Bom, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Định Quán, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Nhơn Trạch, Tân Phú.

Tỉnh Đồng Nai là địa phương đi đầu trong cả nước về xây dựng và phát triển khu công nghiệp cả về số lượng, khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài lẫn diện tích đất cho thuê, thu hút được nhiều dự án có qui mô vốn trên 100 triệu USD (Formosa – Đài Loan, Vedan – Singapore & Đài Loan, Hualon – Malaysia & Đài Loan, Fujitsu – Nhật Bản ...). Trên địa bàn tỉnh nhiều khu đô thị mới xây dựng và các đô thị thuộc huyện, trị trấn như Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom... phát triển rất nhanh. Bên cạnh đó tỉnh Đồng Nai còn có một siêu dự án đã được chính phủ phê duyệt đó là Cảng hàng không quốc tế Long Thành sẽ được khởi công xây dựng vào năm 2017.

Chính từ những điều kiện thuận lợi nêu trên đã thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đồng Nai ngày càng cao, kéo theo tốc độ đô thị hóa nhanh, tăng dân số cơ học, các khu công nghiệp nhiều nên vấn đề sử dụng đất đai và nguồn tài nguyên ngày càng lớn. Nhu cầu về đất ở tại các đô thị tăng mạnh, đất để phục vụ cho các khu công nghiệp nhiều, nhất là từ khi dự án sân bay quốc tế Long Thành và dự án xây cầu nối liền từ quận 2 thành phố Hồ Chí Minh sang huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai được phê duyệt thì giao dịch về đất đai trên địa bàn tỉnh diễn ra rất sôi động, tình trạng mua bán đất trái pháp luật diễn ra phổ biến, giá đất biến động không ngừng, từ đó dẫn đến sự quản lý các quan hệ đất đai, các quan hệ dân sự, quan hệ lao động... vốn đã rất phức tạp nay lại càng diễn biến phức tạp hơn, trong đó các vụ việc khiếu nại, khiếu kiện về đất đai trong địa bàn tỉnh ngày càng có tính chất phức tạp và gay gắt, nhiều vụ việc khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài.

Như vậy trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương của tỉnh Đồng Nai song song với việc đạt được nhiều thành công thì cũng còn tồn tại nhiều vấn đề cần phải quan tâm trong hoạt động giải quyết các KKHC.

2.1.2. Tình hình khiếu kiện hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nhìn chung tình hình khiếu kiện hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có những diễn biến phức tạp và đa dạng, có chiều hướng gia tăng trên diện rộng ở hầu hết các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh với quy mô khiếu kiện hành chính từ cá nhân đến tập thể đông người, từ một hoặc vài cá nhân đến hàng chục, vài chục người, kéo dài như: vụ có liên quan đến hồ chứa nước Sông Ray (huyện Cẩm Mỹ); di dời chợ Vĩnh Tân (huyện Vĩnh Cửu); dự án Khu đô thị sinh thái mở Long Hưng (TP. Biên Hòa)... Hiện các vụ việc nói trên đã được Thanh tra Chính phủ có kết luận, các cơ quan chức năng có liên quan của tỉnh đang phối hợp, rà soát để giải quyết dứt điểm vụ việc.

Theo số liệu tổng hợp báo cáo của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện chính sách pháp luật trong giải quyết khiếu kiện của công dân đối với các quyết định hành chính cho thấy: Từ năm 2011 -2014, các cấp các ngành trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã tiếp nhận tổng số 14.071 lượt công dân đến khiếu kiện, tố cáo, kiến

ngại, thỉnh cầu. Chỉ tính trong 6 tháng đầu năm 2015, toàn tỉnh đã tiếp 3.114 lượt với 3.209 người đến khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị, thỉnh cầu.

Các khiếu nại, khiếu kiện của người dân ở tỉnh Đồng Nai tập trung chủ yếu về lĩnh vực đất đai, bồi thường, giải tỏa và tái định cư. Trong đó nổi lên việc liên quan đến các dự án: xây dựng sân Golf Long Thành, khu du lịch Sơn Tiên (huyện Long Thành), khu dân cư xã Phú Hội (huyện Nhơn Trạch), khu dân cư xã Bắc Sơn (huyện Trảng Bom), hồ Cầu Mới (2 huyện Long Thành và Cẩm Mỹ), đường 56 (huyện Cẩm Mỹ), quy hoạch xây dựng công trình thủy điện Trị An...; việc xây dựng - mở rộng 23 khu công nghiệp ở Đồng Nai. Đáng chú ý là có một số vụ đông người khiếu kiện vượt cấp, kéo về cơ quan tiếp dân của Trung ương Đảng và Nhà nước tại TP HCM.

Để xảy ra việc khiếu kiện phức tạp, kéo dài về lĩnh vực đất đai ở tỉnh Đồng Nai là do công tác quản lý đất đai của chính quyền cơ sở (xã, phường và cả huyện) quá buông lỏng. Mặt khác, việc thu hồi đất, giao đất cho nhiều cơ quan, đơn vị không cụ thể, không xác định ranh mốc; đã thế việc quản lý và sử dụng không chặt chẽ, không thực hiện đúng, đầy đủ trình tự quy định của pháp luật. Một nguyên nhân khác là công tác thu hồi đất, giải tỏa bồi thường và tái định cư của một số dự án thiếu công khai, dân chủ, giá cả bồi thường và các chính sách hỗ trợ khác quá chênh lệch so với thực tế, nhưng không được điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Chưa hết, việc quy hoạch, thực hiện các khu tái định cư tiến hành quá chậm, thậm chí chưa làm nhưng đã buộc người dân trong dự án phải di dời...Nhiều chính sách, pháp luật của Nhà nước được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế, nên những người hưởng chính sách sau có lợi hơn người hưởng chính sách trước, cũng làm cho phát sinh thắc mắc, khiếu kiện. Nhận thức của người dân về pháp luật TTHC nói chung và pháp luật về khiếu nại, tố cáo vẫn còn nhiều hạn chế. Không loại trừ một số người khiếu nại, tố cáo vì mục đích không chính đáng, không am hiểu chính sách pháp luật, khiếu nại - tố cáo không có căn cứ, vượt ra ngoài phạm vi quy định của pháp luật, nhưng cố tình đeo bám dai dẳng và cố ý không chấp hành quyết định xử lý dù biết kết quả giải quyết của cơ quan chức năng đúng pháp luật. Kiểu khiếu nại,

khiếu kiện, tố cáo này làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội; thậm chí một số người lợi dụng quyền dân chủ trong khiếu nại - tố cáo gây khó khăn cho các cơ quan chức năng và cho người khác. Ngoài ra tại một số địa phương cấp ủy và chính quyền chưa nhận thức đầy đủ, chưa quan tâm và tập trung đúng mức đến công tác giải quyết khiếu nại, khiếu kiện, tố cáo, do vậy KKHC trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ngày càng gia tăng, năm sau cao hơn năm trước, tuy nhiên việc giải quyết này vẫn còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, lòng tin của người dân vào cơ chế giải quyết khiếu kiện hành chính bằng con đường tố tụng tại Tòa vẫn chưa cao. Bằng chứng là tuy số vụ việc khiếu kiện hành chính được thụ lý và giải quyết tại hệ thống Tòa án tuy có tăng lên hàng năm nhưng còn rất khiêm tốn so với số lượng đơn thư khiếu nại, tố cáo mà các cơ quan hành chính nhà nước thụ lý giải quyết.

Đồng Nai là nơi tập trung phát triển kinh tế - xã hội thuộc VKTTĐ phía Nam. Trước tình hình khiếu kiện hành chính của nhân dân diễn biến phức tạp cả về nội dung lẫn tính chất, vấn đề đặt ra là phải làm sao để công tác giải quyết khiếu kiện hành chính hực sự hiệu quả, vừa bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, của Nhà nước, vừa phải ổn định được tình hình để tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Để làm được điều đó, không còn cách nào khác là phải không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật TTHC là các Luật liên quan như Luật khiếu nại, tố cáo, Luật đất đai,.. hoàn thiện cơ chế TTHC, từ đó mới có thể nâng cao chất lượng hoạt động giải quyết các vụ án hành chính và tạo niềm tin cho người dân vào cơ chế này.

2.2. Thực tiễn hoạt động giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện nay.

2.2.1. Những kết quả đạt được trong hoạt động giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Từ khi pháp lệnh thủ tục giải quyết vụ án hành chính 1996 ra đời thì Tòa án nhân dân các cấp được giao thẩm quyền xét xử các vụ án hành chính, thông qua thực tế cho thấy hoạt động xét xử của Tòa án đối với các KKHC đã bước đầu đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp và cải cách hành chính theo tinh thần các

Nghị quyết của Đảng đề ra. Trong gần 20 năm hoạt động, Tòa án nhân dân đã giải quyết hàng nghìn vụ án hành chính, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và cơ quan Nhà nước, đồng thời cũng thông qua hoạt động xét xử của mình mà Tòa án nhân dân đã có những kiến nghị kịp thời, thúc đẩy hoạt động của cơ quan hành chính đi vào nề nếp, đạt hiệu quả hơn. Rồi từ khi có Luật TTHC thì việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng hành chính có những bước cải tiến rõ rệt. Các cơ quan tố tụng hành chính dựa vào căn cứ này để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong xét xử và kiểm sát hoạt động tư pháp, đảm bảo tính hiệu quả của toàn bộ quá trình giải quyết vụ án hành chính.

Từ khi Luật TTHC năm 2010 ra đời cho đến nay hoạt động giải quyết án hành chính của ngành Tòa án tỉnh Đồng Nai nói riêng luôn đảm bảo đúng quy định của pháp luật và theo tinh thần của cải cách tư pháp. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai luôn xác định mục tiêu xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Bản án, quyết định của Tòa án đều căn cứ vào diễn biến thực tế tại phiên tòa thông qua việc xét hỏi, tranh tụng công khai, trên cơ sở xem xét toàn diện, khách quan các chứng cứ của vụ án. Do đó chất lượng xét xử các vụ án hành chính được nâng cao, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ pháp chế XHCN. Một số đánh giá chung được rút ra như sau:

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Các cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng hành chính vẫn thường xuyên được tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ cũng như rèn luyện kỹ năng xét xử, kỹ năng kiểm sát.

- Về cơ cấu tổ chức: Luật tổ chức TAND, Luật tổ chức VKSND 2014 đã cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như quy định thêm TAND cấp cao, VKSND cấp cao đảm bảo bốn cấp xét xử, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan này trong toàn bộ quá trình tiến hành tố tụng.

Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang bị khủng hoảng và có những diễn biến phức tạp, nền kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai cũng bị ảnh hưởng

rất nặng nề, đồng thời tỉnh Đồng Nai đang trong giai đoạn xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng mở rộng, do đó tranh chấp, khiếu kiện về hành chính có xu hướng gia tăng, một số khiếu kiện đông người xảy ra trên địa bàn gây ảnh hưởng xấu, mất ổn định trật tự - xã hội. Các khiếu kiện hành chính đến Tòa án chủ yếu là quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khiếu kiện liên quan đến vấn đề thu hồi đất, hỗ trợ tái định cư. Bản chất của các tranh chấp liên quan đến việc người bị thu hồi đất không đồng ý với mức bồi thường, không chấp nhận bị thu hồi đất vì cho rằng đất của mình sử dụng là hợp pháp,... Ngoài ra có nhiều vụ kiện hành chính giữa người khởi kiện và người bị kiện là chính quyền địa phương mà đối tượng khởi kiện là các QĐHC, HVHC nhưng bản chất sâu xa xuất phát từ các tranh chấp đất đai giữa người khởi kiện với những người liên quan (ví dụ con cái với bố mẹ, với các anh chị trong gia đình, với hàng xóm, ...)

Số lượng án hành chính tăng nhanh, trong khi biên chế đội ngũ thẩm phán, cán bộ tòa án hai cấp được Tòa án tối cao phân bổ quá ít đã tạo áp lực lớn cho Tòa án hai cấp trong việc đảm bảo tiến độ xét xử.

Tuy hãy còn nhiều khó khăn nhưng trong những năm qua hoạt động giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã đạt được những kết quả nhất định, cụ thể:

2.2.1.1. Trong hoạt động thụ lý vụ án hành chính.

So với toàn quốc thì tỉnh Đồng Nai có số lượng án hành chính thụ lý chiếm con số đáng kể, (xem ở phần phụ lục Bảng 2.1).

Như vậy sau khi Luật TTHC 2010 có hiệu lực pháp luật, việc khởi kiện vụ án hành chính tại TAND có nhiều thuận lợi hơn nên số lượng vụ án hành chính không ngừng gia tăng, nếu như năm 2011 chỉ thụ lý 96 vụ án thì đến năm 2012 đã tăng lên tới 371 vụ án, tăng gần gấp 4 lần và tăng đều các năm 2013, 2014 và chỉ giảm ở năm 2015, với nhiều vụ án phức tạp chủ yếu liên quan đến lĩnh vực đất đai, chính sách giải tỏa, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Lý giải cho số vụ án mà Tòa án thụ lý năm

2012 tăng đột biến so với năm 2011 là do Luật TTHC ra đời có hiệu lực áp dụng thay thế cho pháp lệnh thủ tục giải quyết vụ án hành chính 1996, đã mở rộng thẩm quyền xét xử của Tòa án, giảm thủ tục tiền tố tụng gây khó khăn cho người khởi kiện. Và cũng dựa vào bảng số liệu trên ta thấy án hành chính thụ lý của tỉnh Đồng Nai là tương đối lớn so với cả nước, đặc biệt năm 2013 án hành chính thụ lý của Đồng Nai chiếm tỷ lệ 6,3% so với lượng án thụ lý của cả nước. Căn cứ vào các vụ án mà TAND các cấp của tỉnh Đồng Nai đã thụ lý trong những năm vừa qua có thể hiểu đó là các khởi kiện của các đương sự đáp ứng các điều kiện khởi kiện do pháp luật TTHC quy định và được Tòa án có thẩm quyền thụ lý. Ở đây cũng có thể hiểu trong thực tế số lượng các vụ việc được khởi kiện có thể cao hơn so với số lượng vụ án đã được thụ lý và xét xử, bởi có rất nhiều vụ việc các đương sự đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhưng do không đáp ứng các điều kiện do pháp luật TTHC quy định nên đã không được Tòa án có thẩm quyền thụ lý.

Trong công tác thụ lý vụ án, các cấp Tòa án trên địa bàn tỉnh đã áp dụng đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật để thụ lý VAHC, chất lượng thụ lý vụ án ngày càng được nâng cao, số vụ bị đình chỉ hoặc hủy án do sai sót từ công tác thụ lý là rất hiếm. Từ đó cho thấy pháp luật TTHC ngày một hoàn thiện dần, bảo đảm quyền khởi kiện của các đương sự, và là căn cứ cho Tòa án, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực thi nhiệm vụ của mình.

Cùng với sự gia tăng về số lượng các vụ án hành chính những năm gần đây có nhiều vụ án nhạy cảm, phức tạp, nhưng do có sự chuẩn bị chu đáo từ trước cả về đội ngũ cán bộ, hướng dẫn nghiệp vụ, hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất, tăng cường công tác tập huấn cho đội ngũ thẩm phán, cán bộ trực tiếp tham gia giải quyết VAHC tại TAND nên công tác giải quyết, xét xử án hành chính của TAND tỉnh Đồng Nai trong thời gian qua vẫn đảm bảo được tiến độ và chất lượng giải quyết. Số liệu thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai từ năm 2011 đến hết 2015 thể hiện rõ thực trạng này (xem ở phần phụ lục Bảng 2.2 và Bảng 2.3).

Như vậy so với cả nước thì tỷ lệ giải quyết án hành chính của TAND tỉnh Đồng Nai bước đầu cũng đã có được những kết quả đáng khích lệ nhưng vẫn còn

phải tiếp tục hoàn thiện hơn nữa để đạt được chất lượng cao hơn nữa. Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy tỷ lệ giải quyết án từ năm 2011 đến năm 2015 của tỉnh Đồng Nai có sự gia tăng nhiều vào năm 2013 và 2014, tuy nhiên số lượng giải quyết vụ án hành chính năm 2015 của cả nước tăng lên thì số lượng giải quyết của tỉnh Đồng Nai lại giảm đi rõ rệt.

2.2.1.2. Trong hoạt động giải quyết vụ án hành chính theo thủ tục sơ thẩm tại tỉnh Đồng Nai.

Qua phân tích nội dung báo cáo hàng năm của VKSND tỉnh Đồng Nai (xem số liệu ở phần phụ lục Bảng 2.4) và tham khảo một số kết quả đánh giá của ngành TAND tỉnh Đồng Nai về tình hình khởi kiện, kết quả thụ lý, giải quyết các vụ án hành chính ở Đồng Nai trong những năm gần đây có thể rút ra một số nhận định sau:

Thứ nhất, số lượng vụ án hành chính được thụ lý theo thủ tục sơ thẩm hàng năm có xu hướng tăng mạnh, đặc biệt là năm 2012, 2013 do ảnh hưởng của những quy định mới trong Luật TTHC 2010 nhằm mở rộng phạm vi tranh chấp thẩm quyền xét xử hành chính, đơn giản hóa các thủ tục khởi kiện hơn so quy định trước đó là nguyên nhân dẫn đến nhu cầu khởi kiện và số lượng án hành chính được thụ lý trong các năm này tăng lên một cách nhanh chóng. Cụ thể là năm 2012, số vụ án hành chính được thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là 300 vụ, tăng 244% so với năm 2011; trong năm 2013 số vụ án hành chính được thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là 352 vụ, tăng 17,3% so với năm 2012. Tới năm 2014; 2015; 2016 thì số vụ án hành chính thụ lý theo thủ tục sơ thẩm đã có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2013 nhưng vẫn ở mức cao và ổn định.

Thứ hai, lý giải cho sự tăng mạnh về số lượng án hành chính được thụ lý theo thủ tục sơ thẩm ở những năm gần đây, đặc biệt là từ năm 2012, qua đánh giá về nội dung các vụ án hành chính này cho thấy, ngoài nguyên nhân do sự ảnh hưởng của những quy định mới trong Luật TTHC 2010 như đã nêu ở trên thì quá trình đô thị hóa và việc triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, nhất là các địa bàn như Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch những năm gần đây cũng góp phần

làm gia tăng nhu cầu khởi kiện án hành chính của người dân trên địa bàn. Một thực tế dễ nhận thấy là ở đâu có dự án, quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, công trình giao thông, khu đô thị, khu thương mại thì năm đó số lượng khởi kiện vụ án hành chính tại địa phương đó tăng lên đột biến. Ví dụ như dự án xây dựng sân bay Long Thành, dự án khu đô thị mới Nhơn Trạch, hay công trình làm các con đường trong thành phố Biên Hòa. Liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường theo bảng giá nhà nước, tái định cư và một số vấn đề khác, nhiều người dân bị thu hồi đất để giải tỏa mặt bằng, hay nhận đất tái định cư, hỗ trợ sản xuất kinh doanh,... cho rằng còn nhiều uẩn khúc và sai trái trong quy trình xử lý của các cơ quan nhà nước và của ban quản lý dự án nên họ đã tìm đến Tòa án để giải quyết. Chính điều này đã làm lượng án hành chính tăng đột biến trong khoảng thời gian 2012 -2014.

Thứ ba, về chất lượng giải quyết vụ án hành chính theo thủ tục sơ thẩm: tuy đã được cải thiện song kết quả đạt được chưa thực sự cao và chưa đáp ứng hết nhu cầu thực tế. Khi người dân, cơ quan, tổ chức khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa thay vì giải quyết bằng con đường khiếu nại, tức là họ đã đặt niềm tin vào con đường giải quyết tranh chấp bằng việc xét xử tại Tòa án nhân dân sẽ đem lại kết quả công bằng và khách quan hơn. Và thực tế xét xử sơ thẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã đáp ứng được một phần kỳ vọng của người khởi kiện. Cụ thể năm 2011 số vụ án hành chính được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là 48 vụ so với tổng số thụ lý sơ thẩm là 87 vụ, chiếm tỷ lệ 67,3% và hơi giảm nhẹ vào năm 2012 (64%). Đây là tỷ lệ khá cao, đáng khích lệ. Tuy nhiên năm 2013 thì tỷ lệ giải quyết án theo thủ tục sơ thẩm giảm mạnh xuống còn 52,5% một phần là do số thụ lý tăng đột biến mà khả năng giải quyết chưa kịp cải thiện để đáp ứng được nhu cầu. Tuy nhiên từ năm 2011 đến nay, tỷ lệ giải quyết luôn ổn định và luôn đạt mức trên 50%. Điều này có được là do những nỗ lực không nhỏ của các cán bộ ngành tư pháp trong việc không ngừng nâng cao năng lực trong việc giải quyết án hành chính, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp của nhà nước ta.

2.2.1.3. Trong hoạt động giải quyết vụ án hành chính theo thủ tục phúc thẩm tại tỉnh Đồng Nai.

Dựa vào bảng số liệu chi tiết các năm về tình hình giải quyết vụ án hành chính ở cấp phúc thẩm tại tỉnh Đồng Nai (xem số liệu ở phần phụ lục Bảng 2.5), thấy rằng:

Thứ nhất, cũng như án sơ thẩm, số lượng vụ án hành chính được thụ lý phúc thẩm trong năm 2011 là khá khiêm tốn. Tuy nhiên đã có sự tăng đột biến đặc biệt vào năm 2012 và năm 2013, thông qua biểu thống kê nhận thấy năm 2012, Tòa hành chính tỉnh Đồng Nai đã thụ lý theo thủ tục phúc thẩm tăng gần 8 lần so với năm 2011 và năm 2013 Tòa hành chính tỉnh Đồng Nai đã thụ lý theo thủ tục phúc thẩm tăng hơn 15 lần so với năm 2011. Nhưng từ năm 2014 đến nay, số lượng án hành chính được tòa án tỉnh Đồng Nai thụ lý phúc thẩm có dấu hiệu chững lại và giảm mạnh vào năm 2015 và năm 2016. Sự tăng đột biến của số liệu vào những năm 2012 và 2013 rồi lại có dấu hiệu giảm trong những năm trở về đây có thể được lý giải bằng các nguyên nhân sau: một là do sự tăng mạnh số lượng án hành chính được Tòa án thụ lý theo thủ tục sơ thẩm những năm 2012; 2013 làm lượng án phúc thẩm vì vậy cũng tăng theo; hai là do ảnh hưởng của những quy định mới trong Luật TTHC về những vấn đề liên quan đến kháng nghị, kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm ảnh hưởng trực tiếp tới lượng án hành chính phúc thẩm được thụ lý và giải quyết.

Thứ hai, tỷ lệ giải quyết án hành chính theo thủ tục phúc thẩm của tỉnh Đồng Nai có tính ổn định và chất lượng giải quyết tương đối cao, đạt tỷ lệ từ 77% trở lên so với tổng số thụ lý, chỉ trừ năm 2012 tỷ lệ giải quyết so với số thụ lý chỉ đạt 28,1%. Lý giải cho việc chất lượng giải quyết án hành chính năm 2012 của Tòa án tỉnh Đồng Nai không cao là do Luật TTHC mới có hiệu lực, các văn bản hướng dẫn áp dụng còn chưa đồng bộ, nên các thẩm phán còn lúng túng trong việc áp dụng Luật để giải quyết vụ án hành chính. Tuy nhiên khi đã nắm được tinh thần của Luật TTHC thì tỷ lệ giải quyết đã được cải thiện rõ rệt trong năm 2013 (81,6%) và luôn giữ ổn định trong các năm sau.

Thứ ba, kết quả giải quyết phúc thẩm vụ án hành chính là một căn cứ để đánh giá chất lượng giải quyết án hành chính theo thủ tục sơ thẩm. Tỷ lệ bản án sơ

thẩm được giữ nguyên càng cao càng thể hiện chất lượng giải quyết án hành chính theo thủ tục sơ thẩm càng được đảm bảo. Ngược lại nếu tỷ lệ này thấp cho thấy chất lượng giải quyết án hành chính theo thủ tục sơ thẩm còn yếu kém. Tuy rằng tỷ lệ này chỉ mang tính tương đối và mang tính chất tham khảo bởi chất lượng giải quyết vụ án hành chính theo thủ tục sơ thẩm phụ thuộc lớn vào tỷ lệ giải quyết vụ án hành chính được thụ lý theo thủ tục sơ thẩm mà tác giả đã phân tích tại phần trên.

Từ số liệu ở phần phụ lục Bảng 2.6 cho thấy, tỷ lệ bản án hành chính sơ thẩm được giữ nguyên so với số lượng vụ án hành chính đã giải quyết theo thủ tục phúc thẩm trong năm 2011 đạt 50%, giảm xuống 35% vào năm 2012 và 30,6% vào năm 2013, rồi tăng lên 60,6% vào năm 2014 và ổn định trong các năm trở về sau. Như vậy tỷ lệ án sơ thẩm được giữ nguyên luôn ở mức khá cao trong những năm gần đây, đặc biệt là trong năm 2015 (77%), điều này thể hiện sự cải thiện trong chất lượng bản án sơ thẩm theo thời gian là một thành quả đáng ghi nhận, kết quả này cũng cho thấy một phần hiệu quả của việc sửa đổi, bổ sung luật cũng như việc áp dụng các biện pháp tăng cường chất lượng giải quyết vụ án hành chính đảm bảo việc xét xử công bằng đúng pháp luật đã đạt được những hiệu quả nhất định.

Từ những kết quả phân tích trên cho thấy trong những năm qua việc giải quyết VAHC tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Đồng Nai đã có những chuyển biến tích cực. Lãnh đạo TAND các cấp trong toàn tỉnh đã có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác giải quyết khiếu kiện hành chính, đã tập trung chỉ đạo, đưa ra nhiều chủ trương, biện pháp tổ chức thực hiện hiệu quả. Quyền khởi kiện của các đương sự đã được pháp luật bảo đảm, người khởi kiện được tạo điều kiện thuận lợi nhất để thực hiện quyền của mình, các vụ việc khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân được tập trung giải quyết dứt điểm ngày một nhiều hơn, hạn chế bớt các vụ khiếu kiện vượt cấp, các quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đã dần từng bước được đảm bảo.

2.2.2. Những hạn chế vướng mắc và nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn giải quyết Vụ án hành chính.

2.2.2.1. Những hạn chế vướng mắc trong hoạt động giải quyết vụ án hành chính.

a) Trong hoạt động khởi kiện vụ án:

- Về chủ thể khởi kiện: Từ thực tiễn giải quyết VAHC tại TAND ở tỉnh Đồng Nai cả ở cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm vẫn còn tình trạng người khởi kiện không có quyền khởi kiện do bản thân họ không có quyền và lợi ích hợp pháp chịu tác động trực tiếp bởi QĐHC, HVHC nhưng họ vẫn tiến hành khởi kiện.

- Về đối tượng khởi kiện: Việc xác định đối tượng khởi kiện là vấn đề gặp khá nhiều vướng mắc trong thực tiễn áp dụng Luật TTHC 2010 đặc biệt là việc xác định đối tượng khởi kiện với những quyết định hành chính. Luật TTHC 2010 và các văn bản hướng dẫn đã quy định căn cứ để xác định quyết định hành chính bị khởi kiện thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án, tuy nhiên trong thực tế áp dụng Tòa án cũng như người khởi kiện vẫn còn gặp nhiều sai sót khi xác định đối tượng khởi kiện. Trong nhiều vụ án, người khởi kiện đã nêu sai đối tượng khởi kiện nên Tòa án đã không thụ lý và trả lại đơn khởi kiện.

- Về thời hiệu khởi kiện: do Pháp luật TTHC còn khá mới mẻ ở nước ta nên đa số người dân không tìm hiểu, nắm vững các quy định cụ thể về thời hiệu. Do đó khi quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm bởi QĐHC, HVHC thì họ làm đơn khởi kiện gửi đến TAND, nhưng rất nhiều trường hợp khi Tòa án nhận được đơn khởi kiện thì đã hết thời hiệu nên Tòa án trả lại đơn khởi kiện. Hoặc có nhiều trường hợp Tòa án xác định thời điểm để tính thời hiệu khởi kiện không đúng với quy định tại khoản 4 Điều 153 Bộ luật dân sự nên đã trả lại đơn khởi kiện

- Ngoài ra nhiều đơn khởi kiện có nội dung khởi kiện không đúng loại việc thuộc thẩm quyền của Tòa án, hình thức khởi kiện không đúng theo quy định của pháp luật. Nhiều đương sự mang đơn khởi kiện VAHC đến nhưng về tiêu đề, hình thức và nội dung lại là đơn tố cáo hoặc đơn khiếu nại, đề nghị... dẫn đến việc buộc Tòa án nhân dân phải trả lại đơn khởi kiện.

b) Trong hoạt động thụ lý VAHC

Theo quy định của Luật TTHC thì thẩm quyền giải quyết VAHC của TAND đã được mở rộng hơn rất nhiều so với Pháp lệnh thủ tục giải quyết các VAHC. Tuy nhiên những năm gần đây số lượng VAHC được Tòa án thụ lý có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu khởi kiện của người dân. Vẫn còn tình trạng đơn tồn đọng không được xem xét giải quyết, trong quá trình thụ lý vẫn còn tình trạng cán bộ Tòa án vi phạm thủ tục nhận đơn khởi kiện, gây khó dễ hay cố tình trì hoãn việc nhận đơn, hoặc có nhận đơn nhưng không viết giấy biên nhận cho đương sự đến khi thất lạc thì không có căn cứ để quy trách nhiệm, thời gian xem xét để thụ lý thường bị kéo dài hơn thời gian luật quy định, không kịp thời thông báo cho đương sự về việc bổ sung, sửa đổi đơn khởi kiện khi đơn khởi kiện chưa đúng và đủ theo quy định. Bên cạnh đó có nhiều vụ án khi thụ lý không yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ nên nhiều hồ sơ đến giai đoạn chuẩn bị xét xử mới tiến hành thu thập nên rất bị động và khó khăn, thậm chí nhiều vụ án do thụ lý sai mà dẫn đến tình trạng án bị đình chỉ hoặc bị hủy án. Trong thời gian tới cần phải tích cực tìm ra biện pháp nhằm khắc phục những hạn chế này, nâng cao chất lượng ngay từ khi thụ lý VAHC của TAND nhằm đáp ứng được yêu cầu và kỳ vọng của người dân đối với việc khởi kiện VAHC.

c) Về hoạt động thu thập chứng cứ và chứng minh trong Vụ án hành chính

Luật TTHC quy định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự có quyền thu thập chứng cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự là một sự tiến bộ, thể hiện sự dân chủ. Tuy nhiên vấn đề thu thập chứng cứ trong VAHC luôn luôn gặp khó khăn hơn các vụ án dân sự xuất phát từ đặc thù trong hoạt động xét xử của các VAHC đó là người bị kiện luôn là cơ quan Nhà nước hoặc cá nhân có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước. Các QĐHC, HVHC của cơ quan nhà nước bị kiện là những quyết định, hành vi đơn phương mà cơ quan quản lý nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan quản lý nhà nước áp đặt đối với đối tượng quản lý, người bị quản lý. Quan hệ quản lý hành chính nhà nước vốn là quan hệ không bình đẳng nên việc người dân đứng ra kiện trước Tòa án những QĐHC, HVHC của cơ quan quản lý nhà nước cũng khó khăn hơn khởi kiện

vụ việc dân sự. Người dân đi kiện rất khó để chứng minh được tính bất hợp pháp của QĐHC, HCHC bởi căn cứ để chứng minh lại do chính chủ thể bị khởi kiện đang quản lý. Việc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương nơi Tòa án có trụ sở và chịu sự quản lý của họ cung cấp chứng cứ, tài liệu là điều rất khó khăn đối với Tòa án trong quá trình xây dựng hồ sơ vụ án. Rất nhiều cơ quan hành chính nhà nước tìm cách trì hoãn hoặc cố tình không cung cấp chứng cứ nhất là những chứng cứ bất lợi cho họ, trong khi đó pháp luật mới chỉ dừng lại ở việc quy định nếu không cung cấp chứng cứ thì phải chịu trách nhiệm nhưng không nêu rõ là phải chịu trách nhiệm như thế nào cũng như cơ quan nào sẽ có trách nhiệm xử lý vấn đề này. Do việc thu thập chứng cứ từ phía các cơ quan nhà nước rất khó khăn nên việc xét xử VAHC thường kéo dài ngoài thời hạn quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tòa án không có cơ sở để khẳng định và tuyên bố quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện là hợp pháp hay không hợp pháp. Nếu không có quy định cụ thể về chế tài đối với trường hợp không cung cấp chứng cứ thì quy định về việc “có quyền thu thập chứng cứ” cũng chỉ là hình thức.

d) Trong hoạt động giải quyết vụ án hành chính

Án hành chính là án “dân kiện quan” thể hiện sự tương quan bất cân đối giữa người khởi kiện và người bị kiện, người khởi kiện là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm bởi QĐHC, HVHC (gọi chung là nhóm người yếu thế), còn người bị kiện luôn là chủ thể quản lý Nhà nước, nên người bị kiện thường có tâm lý e dè, ngại tranh chấp với cơ quan nhà nước và người có chức có quyền, còn thẩm phán thì luôn nỗ lực, ngại xét xử án hành chính. Vì vậy số lượng án hành chính xét xử theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm ở tỉnh Đồng Nai tuy có tăng trong những năm gần đây nhưng hãy còn rất ít so với các vụ án hình sự, dân sự và đặc biệt chỉ là con số vô cùng nhỏ bé so với hàng nghìn các khiếu nại mà các cơ quan hành chính tiếp nhận mỗi năm và so với nhu cầu khởi kiện thực sự của người dân, và cũng xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan đó mà việc giải quyết VAHC gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ hủy và sửa án còn cao cho thấy chất lượng xét xử VAHC còn chưa cao, cũng như tinh thần trách nhiệm và trình độ

năng lực của thẩm phán trong công tác thụ lý, xét xử còn hạn chế. Năm 2011 tỷ lệ các bản án, quyết định giải quyết án hành chính bị sửa là 3,8%, bị hủy là 3%. Năm 2012 tỷ lệ các bản án, quyết định giải quyết án hành chính bị sửa là 4,2%, bị hủy là 2,5%. 2013 tỷ lệ các bản án, quyết định giải quyết án hành chính bị sửa là 4,7%, bị hủy là 2,3%. Năm 2014 tỷ lệ các bản án, quyết định giải quyết án hành chính bị sửa là 8,87%, bị hủy là 2,33%. Năm 2015 tỷ lệ các bản án, quyết định giải quyết án hành chính bị sửa là 4,37%, bị hủy là 3,64%. Năm 2016 tỷ lệ các bản án, quyết định giải quyết án hành chính bị sửa là 6,25%, bị hủy là 4,76% (Báo cáo tổng kết hoạt động của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai năm 2011,2012,2013,2014,2015,2016). Trong đó tỷ lệ án bị sửa chủ yếu là do cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật về nội dung không đầy đủ, sửa về cách tuyên; còn án tỷ lệ án hủy chủ yếu là do cấp sơ thẩm điều tra, thu thập chứng cứ không đầy đủ, vi phạm thủ tục tố tụng, hủy án do đối tượng khởi kiện không còn, người khởi kiện chấp nhận rút yêu cầu khởi kiện, hủy án, đình chỉ giải quyết do hết thời hiệu khởi kiện, hay hủy án do đương sự cung cấp tình tiết, chứng cứ mới.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án về vấn đề đối thoại và tranh tụng trong VAHC cũng còn có nhiều hạn chế do không có văn bản hướng dẫn cụ thể về vấn đề này dẫn đến việc áp dụng không thống nhất. Tại Điều 12 Luật TTHC 2010 quy định: *“Trong quá trình giải quyết VAHC, Tòa án tạo điều kiện để các đương sự đối thoại về việc giải quyết vụ án”* [25]. Có thể nói đây là quy định riêng biệt chỉ TTHC mới có và chỉ thực hiện duy nhất trong quá trình giải quyết VAHC mà không quy định trong việc giải quyết các vụ việc dân sự. Theo quy định này thì có thể hiểu Tòa án có quyền tự lựa chọn cách thức phù hợp như ra thông báo hoặc trao đổi với các bên về việc đối thoại nhưng tại khoản 4 Điều 36 Luật TTHC 2010 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán: *“Tổ chức đối thoại giữa các đương sự khi có yêu cầu”* [25]. Theo quy định này thì thẩm phán chỉ có thể đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên tham gia tố tụng, nếu họ không có yêu cầu về đối thoại thì Tòa án không tiến hành đối thoại. Rõ ràng quy định này là rất tiến bộ nhưng trong thực tiễn xét xử án hành chính cho thấy thẩm phán đã gặp lúng túng khi tổ chức đối

toại cho các đương sự. Đến Luật TTHC 2015 thì đã quy định cụ thể việc tổ chức đối thoại cho các đương sự về việc giải quyết VAHC là thuộc trách nhiệm của Tòa án, Điều 20 Luật TTHC 2015 quy định: “Tòa án có trách nhiệm tiến hành đối thoại và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự đối thoại với nhau về việc giải quyết vụ án theo quy định của luật này”[29]. Tuy nhiên trong thời gian tới cần có hướng dẫn cụ thể để việc tổ chức tiến hành đối thoại được thống nhất và đạt được kết quả tốt hơn.

Từ thực tế xét xử VAHC ở tỉnh Đồng Nai cho thấy mặc dù từ khi Luật TTHC 2010 ra đời và có hiệu lực thi hành, thẩm quyền của Tòa án được mở rộng hơn nhiều kéo theo sự gia tăng của các khiếu kiện hành chính trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên việc gia tăng vụ việc đó diễn ra không đồng đều giữa các khu vực, địa bàn trong tỉnh, chủ yếu tập trung ở những nơi phát triển hay có nhiều dự án, đầu tư như Biên Hòa, Trảng Bom, Long Khánh, Nhơn Trạch, còn một số huyện như Xuân Lộc, Tân Phú, Cẩm Mỹ thì vẫn chưa có sự biến chuyển nhiều, số lượng thụ lý cũng như xét xử VAHC còn rất ít. Những vụ án hành chính được xét xử nhiều nhất là những vụ án liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai như: giao đất, thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, ... Nhiều vụ án ngày càng phức tạp, nhiều trường hợp mang tính tập thể, dẫn đến việc xét xử VAHC của Tòa án ngày càng vất vả, mất nhiều thời gian, công sức do hồ sơ văn bản không nhiều. Bên cạnh đó không thể phủ nhận rằng việc nhận thức và đánh giá chứng cứ cũng như áp dụng pháp luật chủ quan của mỗi cá nhân thẩm phán còn hạn chế và ở mức độ khác nhau ở cả hai cấp khi giải quyết VAHC. Mặt khác việc tổ chức mô hình cơ quan xét xử theo đơn vị hành chính lãnh thổ và những mối quan hệ phụ thuộc về tổ chức, nhân sự giữa Tòa án với chính quyền địa phương đã gián tiếp ảnh hưởng đến chất lượng xét xử án hành chính mà biểu hiện cụ thể là quy trình bổ nhiệm, tái bổ nhiệm thẩm phán – người trực tiếp xét xử các VAHC, cũng như việc bổ nhiệm các chức danh quản lý trong ngành Tòa án phải được sự đồng ý bằng văn bản của cấp ủy địa phương. Trong khi đó các văn bản pháp luật còn đang trong quá trình đổi mới, hoàn thiện (Luật TTHC 2015 mới ban hành và vừa có hiệu lực thi

hành từ 01/7/2016) nên việc triển khai áp dụng pháp luật vào thực tiễn xét xử còn nhiều khó khăn nhất là giai đoạn giao thời giữa luật cũ và luật mới.

2.2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc.

Việc trao cho Tòa án chức năng xét xử các vụ án hành chính tạo ra cơ chế riêng, độc lập, khách quan, dân chủ, công bằng hơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức trước sự xâm hại bởi QĐHC, HVHC của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước. Tuy nhiên hoạt động giải quyết VAHC của ngành Tòa án nhân dân nói chung và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai nói riêng trong những năm vừa qua cũng gặp không ít hạn chế, khó khăn do nhiều nguyên nhân:

Thứ nhất, là phải nói đến do pháp luật TTHC còn hạn chế, bất cập:

Sự ra đời của Luật TTHC 2010 được đánh giá là có nhiều điểm mới, tiến bộ hơn rất nhiều so với pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính, góp phần không nhỏ nâng cao hiệu quả xét xử án hành chính. Tuy nhiên thực tế xét xử các vụ án hành chính tại tỉnh Đồng Nai đã chứng minh quá trình áp dụng các quy định của pháp luật TTHC cũng gặp không ít khó khăn về thời hiệu khởi kiện, về xác định đối tượng khởi kiện, về thẩm quyền xét xử, về đối thoại trong VAHC,... cụ thể:

- Quy định về khởi kiện vụ án: về người khởi kiện tại khoản 6 Điều 3 Luật TTHC 2010 quy định “ *người khởi kiện là cá nhân, cơ quan, tổ chức khởi kiện VAHC đối với QĐHC, HVHC, QĐKLBT, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, việc lập danh sách cử tri*”[28]. Việc quy định như vậy dễ gây ra sự nhầm lẫn giữa người khởi kiện và người đại diện của người khởi kiện. Theo quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật TTHC 2010 thì việc khởi kiện vụ án do chính đương sự hoặc được thực hiện thông qua người đại diện hợp pháp. Người khởi kiện ở đây phải là người có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm nên đã khởi kiện thông qua người đại diện hợp pháp. Nếu theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật TTHC 2010 thì trong trường hợp việc khởi kiện do người đại diện theo ủy quyền hoặc theo pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức và khi xác định tư cách người khởi kiện nếu theo đúng quy định trên thì

TAND sẽ xác định người khởi kiện chính là người làm đơn chứ không phải là người đại diện theo pháp luật. Khi làm đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 105 Luật TTHC 2010 thì tên, địa chỉ người khởi kiện cũng dễ bị nhầm lẫn là tên, địa chỉ của người đại diện đã thực hiện việc khởi kiện. Và tại khoản 8 Điều 3 Luật TTHC 2015 về người khởi kiện vẫn chưa được làm rõ: “*người khởi kiện là cá nhân, cơ quan, tổ chức khởi kiện VAHC đối với QĐHC, HVHC, QĐKLBTV, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, danh sách cử tri bầu cử đại biểu quốc hội, danh sách cử tri bầu cử Hội đồng nhân dân, danh sách cử tri trung cầu dân ý*”[29]. Thực chất thì dù có tự mình khởi kiện hay khởi kiện thông qua người đại diện theo pháp luật thì người khởi kiện được xác định là người có quyền, lợi ích bị tác động trực tiếp bởi QĐHC, HVHC.

- Việc quy định nhiều loại thời hiệu cho mỗi loại vụ việc là cần thiết, tuy nhiên người dân sẽ rất khó khăn khi phải nghiên cứu và nắm bắt được thời hiệu cụ thể cho mỗi loại việc, nhất là khi thời hiệu khởi kiện lại được hướng dẫn ở các văn bản khác nhau, không có sự thống nhất. Quá trình giải quyết khiếu nại hành chính, cơ quan hành chính thường ban hành rất nhiều loại văn bản khiến cho người dân và cả Tòa án rất lúng túng trong quá trình xác định chính xác đối tượng khởi kiện, tuy nhiên lại chưa có văn bản hướng dẫn việc xác định đối tượng khởi kiện là quyết định giải quyết khiếu nại trong trường hợp có nhiều văn bản giải quyết khiếu nại về cùng một vụ việc.

- Luật TTHC 2010 cũng chưa quy định về chế tài xử lý đối với trường hợp không cung cấp chứng cứ cho Tòa án dẫn đến việc thu thập chứng cứ trong vụ án hành chính luôn gặp khó khăn.

- Không có hướng dẫn về trình tự, thủ tục tiến hành việc đối thoại trong quá trình giải quyết vụ án hành chính dẫn đến việc áp dụng của các thẩm phán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai về vấn đề này không đồng nhất. Khi tổ chức đối thoại thẩm phán cũng không phát huy được vai trò của mình do thiếu kinh nghiệm và chưa nhận thức đúng đắn về đối thoại. Về hình thức của biên bản đối thoại cũng chưa có mẫu chung nên mỗi Tòa án có cách ghi khác nhau.

- Chưa có mẫu văn bản TTHC để TAND các cấp thống nhất việc áp dụng trong toàn ngành Tòa án ở Đồng Nai. Bên cạnh đó cũng chưa có hướng dẫn về việc ghi sổ nhận đơn, sổ thụ lý. Chưa có hướng dẫn thống nhất về viết bản án hành chính nên bản án của một số huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai viết không thống nhất với nhau, mỗi thẩm phán cũng có cách viết nhận định cũng khác nhau.

Bên cạnh đó Luật TTHC 2015 được thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 về cơ bản đã sửa đổi, bổ sung được những vướng mắc, bất cập của Luật TTHC 2010 góp phần vào việc giải quyết có hiệu quả hơn các vụ án hành chính trong thời gian tới. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế cơ bản cần được tiếp tục xem xét sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới, cụ thể nổi bật là:

- Không nhất quán trong quy định về thời hạn. Cụ thể, những điều luật dành cho tác nghiệp của Tòa án được tính theo ngày làm việc, những điều luật dành cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát thì tính ngày theo lịch. Với cách quy định như vậy dẫn tới hạn chế thời hạn thực hiện các quyền của đương sự và Viện kiểm sát như: Khoản 2 Điều 213 LTTHC 2015 quy định “*Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp đối với quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là 07 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 10 ngày kể từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được quyết định*”. Quy định như vậy làm giảm bớt thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát 02 ngày, thời hạn còn lại là 05/08 ngày là không đủ thời gian rút hồ sơ vụ án của tòa án để nghiên cứu, báo cáo đến khi kháng nghị thì thời hạn đã hết nên Viện kiểm sát thường không đủ điều kiện kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

- Vấn đề thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính của TAND theo địa giới hành chính chưa giải quyết triệt để được mục tiêu đưa ra là hạn chế áp lực, nể nang, ngại va chạm của Thẩm phán đối với QĐHC, HVHC của UBND và Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Bởi nếu Luật chỉ quy định TAND cấp tỉnh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND và Chủ tịch UBND cấp huyện mà lại không đưa ra quy định TAND cấp cao giải quyết theo thủ

tục sơ thẩm đối với các QĐHC, HVHC của UBND và Chủ tịch UBND cấp tỉnh thì không mới đảm bảo tính khách quan, vô tư và tương xứng trong văn bản luật.

- Vấn đề thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính: cũng như Luật TTHC 2010 quy định còn khá ngắn và chưa thực sự đảm bảo quyền khởi kiện của người dân trong trường hợp người dân không nắm rõ quy định pháp luật TTHC.

- Về thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, khoản 2 Điều 154 Luật TTHC 2015 quy định thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đối với “*vụ án phức tạp*” như vậy là còn quá chung chung. Chưa nói rõ vụ án như thế nào là vụ án phức tạp và như thế nào là không phức tạp, để những người tiến hành tố tụng biết nhằm giải quyết vụ án hành chính theo đúng thời hạn quy định.

Thứ hai, Tính độc lập của Tòa án, đặc biệt trong hoạt động giải quyết VAHC chưa được đảm bảo:

Theo quy định của Hiến pháp thì “*Thẩm phán và hội thẩm nhân dân xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*”. Như trên thực tế ở Việt Nam cho đến thời điểm hiện nay thì hoạt động quản lý hành chính nhà nước, quản lý theo ngành và quản lý theo chức năng luôn được kết hợp chặt chẽ với quản lý theo địa phương trong đó Tòa án cũng là đối tượng chịu sự quản lý hành chính nhà nước và có sự phụ thuộc nhất định vào cơ quan nhà nước địa phương. Mặc dù hoạt động của các đơn vị, tổ chức trong mỗi ngành mỗi lĩnh vực là khác nhau nhưng hoạt động đó vẫn phải chịu sự chi phối bởi yếu tố địa phương. Hơn nữa nguyên tắc Đảng lãnh đạo là nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước và trên thực tế sự can thiệp của cấp ủy địa phương vào hoạt động xét xử luôn tồn tại chỉ khác nhau ở cách thức thể hiện như việc Tòa án nhân dân có quan hệ phụ thuộc vào cấp ủy địa phương về tổ chức và nhân sự, về công tác thực hiện các nghị quyết của Đảng bộ địa phương,... Người khởi kiện hành chính thường đưa ra những yêu cầu về việc hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ QĐHC của cơ quan quản lý nhà nước xâm phạm quyền và lợi ích của mình, với khả năng nắm bắt pháp luật còn nhiều hạn chế nên người khởi kiện chỉ biết trông chờ vào cơ quan nhà nước được trao thẩm quyền là Tòa án. Quá trình xét xử hành chính sẽ không còn ý nghĩa nếu Tòa án trong quá trình giải quyết tranh chấp

chịu sự tác động của chủ thể bị kiện hay bất kỳ cơ quan nhà nước nào khác. Do đó cần phải phân định rõ giữa sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước và hoạt động xét xử án hành chính của TAND.

Thứ ba, Vấn đề nguồn nhân lực là khó khăn lớn của TAND tỉnh Đồng Nai trong thời điểm hiện nay. Đồng Nai là một tỉnh có diện tích khá lớn so với các tỉnh thành trong cả nước, dân số đông, địa bàn rộng, số lượng án hành chính tăng lên gần 4 lần từ năm 2011 đến 2015. Tòa hành chính lại nằm trong hệ thống Tòa án nhân dân, số lượng thẩm phán và thư ký của Tòa hành chính rất ít. Trình độ của đội ngũ thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác làm công tác xét xử án hành chính đòi hỏi phải hiểu biết sâu về lĩnh vực chuyên môn quản lý hành chính nhà nước, tuy nhiên trong thực tiễn xét xử án hành chính của TAND tỉnh Đồng Nai lại chưa đáp ứng được yêu cầu này, nhiều thẩm phán, thư ký, cán bộ tố tụng còn phải làm công tác kiêm nhiệm. Khi có số lượng án hành chính nhiều thì lãnh đạo cơ quan phân công cho thẩm phán ở Tòa hình sự hoặc Tòa dân sự tham gia giải quyết, điều đó cũng gây khó khăn không ít cho thẩm phán khi họ không chuyên trách về việc xét xử án hành chính. Tuy nhiên để khắc phục những hạn chế này không thể trong một sớm một chiều bởi vì chính sách thu hút nhân tài cũng như áp lực trong nghề khiến sinh viên Luật không tha thiết công tác trong ngành Tòa án, hơn nữa việc bổ nhiệm thẩm phán không hề dễ dàng, thời gian tương đối dài và quy trình thủ tục bổ nhiệm thẩm phán cũng rất phức tạp.

Thứ tư, trình độ dân trí và ý thức pháp luật người dân nói chung và của tổ chức, cá nhân với tư cách là những người tham gia tố tụng hành chính nói riêng còn thấp: Do pháp luật TTHC còn tương đối mới mẻ so với người dân cả nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng nên việc nghiên cứu, tìm hiểu về lĩnh vực pháp luật này chưa được người dân chú trọng. Bên cạnh đó trình độ dân trí của người dân còn thấp, công tác tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật nói chung và pháp luật về giải quyết KKHC nói riêng chưa được chú trọng, còn nhiều hạn chế nên việc giải quyết VAHC chưa thực sự có hiệu quả đi vào cuộc sống của người dân. Chính vì vậy nhận thức của họ về quyền và nghĩa vụ của người tham gia giải quyết KKHC

chưa thực sự đầy đủ, đúng pháp luật. Khi cá nhân, tổ chức tham gia vào VAHC với tư cách là người tham gia tố tụng, họ chưa có sự hiểu biết về những quy định của lĩnh vực này nhiều do đó dẫn đến việc người dân mơ hồ, hoang mang trong hành trình bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi có tranh chấp với chủ thể quản lý nhà nước. Bởi thế khi Tòa án xét xử hành chính đương nhiên sẽ gặp vướng mắc vì thực hiện sai, không đúng những quy định pháp luật tố tụng hành chính của những người tham gia tố tụng.

Thứ năm, tâm lý của người dân nói chung còn ngại khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

Tranh chấp hành chính nảy sinh từ việc chủ thể quản lý hành chính nhà nước ban hành QĐHC, hoặc thực hiện HVHC nhằm giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Trường hợp QĐHC, HVHC này xâm phạm quyền và lợi ích của đối tượng bị quản lý thì họ có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết. Giải quyết KKHC tại Tòa án hay còn gọi là giải quyết VAHC tại Tòa án nhân dân là hoạt động đặc biệt do Tòa án-nhân danh nhà nước thực hiện nhằm xem xét và đảm bảo phán quyết một cách khách quan về tính hợp pháp hay không hợp pháp của các QĐHC, HVHC bị khởi kiện, để từ đó xác định trách nhiệm thuộc về ai. Thế nhưng nhìn chung các cá nhân, tổ chức vẫn còn tâm lý chưa thực sự mặn mà với sự lựa chọn con đường giải quyết KKHC tại Tòa án nhân dân, một phần do họ chưa thực sự tin tưởng vào hiệu quả mà việc giải quyết theo con đường này mang lại cho họ, mặt khác họ cho rằng họ chính là đối tượng quản lý hành chính của bên bị kiện, việc giải quyết KKHC tại Tòa án nhân dân sẽ ảnh hưởng đến uy tín người bị kiện, như thế về lâu về dài họ sẽ bị bất lợi. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng quá tải trong giải quyết khiếu nại hành chính tại các cơ quan nhà nước, nhưng việc giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân lại chưa đạt được kết quả như kỳ vọng.

Kết luận chương 2

Trong chương 2 luận văn đã tập trung làm rõ những vấn đề cơ bản đó là các yếu tố ảnh hưởng đến giải quyết vụ án hành chính tại Tỉnh Đồng Nai và thực trạng giải quyết vụ án hành chính tại TAND trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trong nội dung về các yếu tố ảnh hưởng đến giải quyết vụ án hành chính tại Tỉnh Đồng Nai, tác giả nêu và phân tích đặc điểm địa lý, dân cư và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai và sự hình thành và phát triển Pháp luật về giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân ở nước ta, đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động giải quyết VAHC tại TAND. Trong nội dung thực trạng hoạt động giải quyết VAHC tại TAND trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, tác giả đã khái quát tình hình và kết quả đạt được trong hoạt động giải quyết VAHC đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế, vướng mắc, những tồn tại cần khắc phục trong hoạt động giải quyết VAHC. Về cơ bản đã dựng lên bức tranh toàn cảnh về giải quyết VAHC tại TAND trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian vừa qua dựa vào số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và các báo cáo tổng kết công tác của ngành TAND tỉnh Đồng Nai từ năm 2011-2015 kết hợp lý luận, so sánh với các quy định của pháp luật về giải quyết VAHC. Từ đó chỉ ra được một số nguyên nhân của những kết quả đạt được và hạn chế, làm tiền đề cho những kiến nghị, đề xuất giải pháp, góp phần khắc phục triệt để những nguyên nhân của những tồn tại trong hoạt động giải quyết VAHC tại TAND.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

3.1. Phương hướng và một số yêu cầu của việc bảo đảm chất lượng giải quyết Vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

3.1.1. Phương hướng bảo đảm chất lượng giải quyết Vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

Với yêu cầu nâng cao chất lượng giải quyết VAHC của Tòa án nhân dân góp phần kiểm soát hoạt động quản lý hành chính nhà nước, bảo đảm hiệu quả các khiếu kiện hành chính phát sinh trong quản lý hành chính nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, rất cần có những định hướng phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp. Căn cứ vào đặc trưng của hoạt động xét xử án hành chính cũng như khó khăn, tồn tại trong thực tiễn xét xử, có thể thấy nhiệm vụ cấp bách hàng đầu hiện nay là tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật, thực thi pháp luật nghiêm minh, đảm bảo cho Tòa án thật sự xét xử độc lập, giải quyết vấn đề nguồn lực con người phục vụ hoạt động xét xử. Quá trình nâng cao hiệu quả giải quyết VAHC tại TAND ở nước ta phải nằm trong tổng thể của quá trình cải cách tư pháp, mà trọng tâm là xây dựng và hoàn thiện tổ chức và hoạt động của TAND. Do đó phương hướng nâng cao chất lượng giải quyết Vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân cũng nằm trong phương hướng cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đặt ra gồm những phương hướng cơ bản sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt những định hướng, chủ trương của Đảng và nhà nước về cải cách tư pháp và hoàn thiện, đổi mới tổ chức và hoạt động của TAND trong Nghị quyết số 49-NQ/TW và kết luận số 79-KL/TW của Bộ chính trị, đặc biệt là chủ trương “Mở rộng thẩm quyền xét xử của Tòa án đối với các khiếu kiện hành chính tại Tòa án, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia tố tụng, bảo đảm sự bình đẳng giữa công dân và cơ quan công quyền trước Tòa án. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân

cử, của công luận và của nhân dân đối với hoạt động tư pháp nói chung và hoạt động giải quyết khiếu kiện hành chính tại TAND nói riêng”. Cũng trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng xác định: “ *Phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình*”.

Hai là, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật làm cơ sở cho cải cách tư pháp nói chung và cải cách hệ thống TAND nói riêng, hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, đảm bảo tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, đảm bảo giải quyết kịp thời chính xác đúng pháp luật các KKHC; Tôn trọng và bảo vệ các quyền và tự do của con người, bảo đảm dân chủ và bình đẳng trước pháp luật cho mọi công dân.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp nói chung, đội ngũ thẩm phán hành chính giải quyết KKHC nói riêng theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ.

3.1.2. Một số yêu cầu của việc bảo đảm chất lượng giải quyết Vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Một là, yêu cầu tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền và tự do của công dân: Mục tiêu cao cả của việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam là phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn, vì: “*con người là trung tâm của mọi định chế, thể chế xã hội, thể chế nhà nước lập pháp, hành pháp, tư pháp được lập ra phải vì con người, vì công dân. Do vậy, các quyền tự nhiên của con người, của công dân phải được thừa nhận, được nhà nước và xã hội bảo vệ và coi đó là những giá trị xã hội không thể bị chà đạp*” [18, Tr 53].

Vấn đề bảo đảm quyền con người, quyền và tự do của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật, là mục tiêu quan trọng trong xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nước ta. Cùng với công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước đã đề ra thì việc đổi mới và nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu kiện hành chính tại TAND vừa phải đảm bảo phát huy được dân chủ, vừa phải tạo điều kiện cho người dân thực hiện được quyền khiếu kiện nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như phải đề cao kỷ cương, kỷ luật, chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp, hạn chế mọi biểu hiện dân chủ cực đoan, gây khó khăn cho các cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện công vụ, nhiệm vụ. Mặt khác nhà nước có trách nhiệm thực hiện đúng chức năng quản lý, thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình để đảm bảo quyền con người, quyền cơ bản của công dân đồng thời cũng đảm bảo cho mọi công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Những năm vừa qua tại tỉnh Đồng Nai ghi nhận việc khiếu kiện hành chính của người dân cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm tăng nhiều nhất là trong lĩnh vực đất đai. Việc giải quyết VAHC kịp thời và chính xác vừa đảm bảo được tình hình an ninh chính trị địa phương, vừa bảo đảm quyền con người, quyền và tự do của công dân, tạo niềm tin của người dân vào các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Hai là, đảm bảo tính độc lập trong xét xử của Tòa án, nâng cao ý thức pháp luật của người dân cũng như đội ngũ cán bộ, công chức:

Đảm bảo tính độc lập trong xét xử của Tòa án là một vấn đề rất quan trọng và cũng rất khó khăn, để hoạt động xét xử của Tòa án được độc lập thì một trong những yếu tố vô cùng quan trọng là cần phải bảo đảm sự độc lập thực sự cho thẩm phán bởi lẽ thẩm phán là người cầm cân nảy mực, là niềm tin của người dân về sự công bằng, là người đại diện cho nhà nước để đảm bảo công lý. Do đó cần có cơ chế đảm bảo cho thẩm phán độc lập khi xét xử, để có sự công bằng, cần phải có các thể chế làm cho thẩm phán phải chịu trách nhiệm về hành động của mình. Sự độc lập của hệ thống tư pháp cần phải đi cùng với cơ chế trách nhiệm giải trình trong hệ thống tư pháp. Khi các thẩm phán phải chịu trách nhiệm về những hành động của mình, thì hệ thống tư pháp trở nên có hiệu quả hơn và các thẩm phán có thể giải

quyết các vụ kiện một cách nhanh chóng và công bằng hơn [10, tr. 33]. Ngoài ra yêu cầu đảm bảo tính độc lập của Tòa án còn thể hiện ở các khía cạnh như: Bảo đảm tính tối thượng của pháp luật, vô hiệu hóa những quyết định, hành vi không đúng trật tự, hiệu lực pháp lý của cơ quan hành pháp xâm phạm đến quyền công dân, bảo đảm cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh; Nhằm giám sát hoạt động thực hiện quyền lực của cơ quan hành chính nhà nước, ngăn chặn những hoạt động lạm quyền và đảm bảo pháp chế, kỷ luật trong quản lý nhà nước; Là công cụ hữu hiệu phòng chống những hành vi lạm quyền của cơ quan hành chính, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Để bảo đảm và nâng cao chất lượng giải quyết Vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân thì việc nâng cao ý thức pháp luật của người dân cũng như đội ngũ cán bộ, công chức có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nghị quyết số 08 –NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ chính trị đã chỉ rõ: “*đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức phong phú, sinh động, đặc biệt là thông qua xét xử lưu động và bằng những phán quyết công minh để tuyên truyền nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ và nhân dân*”[2]. Mục đích và ý nghĩa của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật là nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân, hạn chế và ngăn ngừa vi phạm pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là vi phạm của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước trong việc ban hành các quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật, giúp cho người dân hiểu được khi quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị các QĐHC, HVHC của các cơ quan quản lý hành chính và cá nhân có thẩm quyền xâm phạm, thì họ có quyền khởi kiện trước Tòa án, yêu cầu pháp luật bảo vệ.

3.2. Giải pháp bảo đảm chất lượng giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết vụ án hành chính.

Thứ nhất, về thẩm quyền xét xử hành chính của TAND cấp huyện và cấp tỉnh Luật TTHC năm 2015 đã có sự đổi mới so với Luật TTHC năm 2010, cụ thể là

“các QĐHC, HVHC của ủy ban nhân dân cấp huyện, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện” không thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện như quy định ở Luật TTHC năm 2010 nữa, mà thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp tỉnh, quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật và khoản 4 Điều 32 Luật TTHC năm 2015. Quy định này xuất phát từ lý do cho rằng nếu TAND cấp huyện giải quyết các QĐHC, HVHC của ủy ban nhân dân cấp huyện và chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện sẽ có những hạn chế do áp lực, nể nang, ngại va chạm làm cho hoạt động xét xử hành chính trở nên không hiệu quả, gây phiền hà cho người dân đi kiện. Tuy nhiên lập luận này cũng cần phải được đặt ra đối với quy định về thẩm quyền của TAND cấp tỉnh khi giải quyết các VAHC đối với các QĐHC, HVHC của ủy ban nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Như vậy liệu thay đổi về thẩm quyền giải quyết VAHC của TAND cấp tỉnh và TAND cấp huyện đối với QĐHC, HVHC có thực sự giải quyết được vấn đề liên quan đến bảo đảm tính độc lập trong xét xử án hành chính của Tòa án hay không? Thiết nghĩ khi luật đã quy định thì bất cứ cơ quan, tổ chức hay mọi công dân đều phải tuân thủ. Nếu ủy ban nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành các QĐHC, hoặc có HVHC đúng pháp luật thì TAND cùng cấp không có lý do gì để không bảo vệ. Ngược lại nếu ủy ban nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành QĐHC, hoặc có HVHC trái pháp luật thì mặc nhiên TAND cấp huyện hoặc cấp tỉnh đều tuyên hủy và buộc phải thực hiện hoặc chấm dứt HVHC trái pháp luật bị kiện. Vấn đề ở chỗ là làm thế nào để nâng cao tính “độc lập” của TAND đối với chính quyền địa phương, nói khái quát hơn nữa là nâng cao tính “độc lập” của tư pháp đối với hành pháp, loại bỏ sự nể nang, né tránh của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân trong việc giải quyết VAHC. Mặt khác cũng cần phải đặt ra trách nhiệm của người tham mưu cho ủy ban nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh khi ban hành QĐHC, HVHC trái luật, nhằm nâng cao chất lượng công vụ và trách nhiệm của bộ máy giúp việc cho ủy ban nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp hiện nay.

Thứ hai, quy định về người khởi kiện tại khoản 8 Điều 3 Luật TTHC 2015: “Người khởi kiện là cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện vụ án hành chính đối với

quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách cử tri bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, danh sách cử tri trung cầu ý dân (sau đây gọi chung là danh sách cử tri)”. Để tránh những hạn chế như đã nêu ở mục 2.3.2.1 về người khởi kiện thì nên sửa đổi theo hướng “Người khởi kiện là cơ quan, tổ chức, cá nhân tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; danh sách cử tri để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình”. Quy định như vậy bảo đảm được yêu cầu về chủ thể khởi kiện phải có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm quy định tại Điều 5 Luật TTHC 2015. Đồng thời làm rõ được người khởi kiện trong trường hợp việc khởi kiện được thực hiện thông qua người đại diện hợp pháp, tránh sự nhầm lẫn khi xác định người khởi kiện trong VAHC. Khi nhận đơn khởi kiện Tòa án để xác định được người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện. Việc xác định được vị trí của người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của họ còn đảm bảo cho họ việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Luật TTHC.

Thứ ba, quy định về thời hiệu khởi kiện tại Điều 116 Luật TTHC 2015 phân ra các trường hợp cụ thể để tính thời hiệu khởi kiện. Để thực hiện quyền khởi kiện thì người khởi kiện phải tuân theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Thời hiệu khởi kiện là một trong những nội dung cần được đặc biệt quan tâm bởi lẽ nó liên quan mật thiết đến người khởi kiện, là căn cứ xác định người khởi kiện còn hay không quyền khởi kiện. Luật TTHC 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung về thời hiệu khởi kiện so với pháp lệnh thủ tục giải quyết các VAHC 1996 và Luật TTHC năm 2010, tuy nhiên quy định thời hiệu khởi kiện còn ngắn, dẫn đến nhiều trường hợp mất quyền khởi kiện của cá nhân, cơ quan, tổ chức nhất là trong những trường hợp vụ kiện phức tạp, người khởi kiện cần có thời gian cân nhắc, suy nghĩ, tham vấn những người hiểu biết pháp luật. Việc mở rộng thời hiệu khởi kiện VAHC để giảm thiểu bất cập nhưng chính sự phong phú này sẽ gây khó khăn cho người đi kiện bởi

lẽ họ buộc phải nắm chắc, hiểu rõ các loại thời hiệu dành cho các loại việc khác nhau. Thiết nghĩ nên kéo dài thời hiệu khởi kiện đối với những vụ án phức tạp, và cần phải có văn bản hướng dẫn thống nhất về việc xác định thời hiệu khởi kiện cho TAND các cấp để tránh tình trạng cùng một vụ việc tương tự mà mỗi nơi áp dụng một kiểu, nhằm đảm bảo quyền khởi kiện VAHC cho người dân.

Thứ tư, quy định về đối tượng khởi kiện liên quan đến quyết định giải quyết khiếu nại: Cần thống nhất trong việc xác định đối tượng khởi kiện là quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định giải quyết khiếu nại phải có nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới là đối tượng khởi kiện VAHC nên cần có hướng dẫn cụ thể về nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế phải liên quan trực tiếp đến đối tượng chính trong khiếu nại hành chính, không thể coi bất kỳ văn bản nào của cơ quan hành chính nhà nước đều là đối tượng khởi kiện VAHC. Chỉ những văn bản hành chính xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện mới là đối tượng khởi kiện của VAHC. Từ đó Tòa án mới có cơ sở xem xét tính hợp pháp của QĐHC, HVHC.

Thứ năm, về thủ tục đối thoại trong VAHC cần quy định về trình tự, thủ tục tiến hành đối thoại và hướng dẫn cụ thể để Tòa án các cấp áp dụng thống nhất với nhau. Hoạt động đối thoại cần thực hiện tại Tòa án, khi đối thoại Thẩm phán được giao nhiệm vụ giải quyết vụ án, trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ vụ án, đưa ra định hướng đối thoại cho các bên với mục đích làm sáng tỏ các tình tiết khách quan của vụ án, người tham gia đối thoại có quyền phát biểu ý kiến, đưa ra những tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Việc đối thoại phải được lập thành biên bản, có chữ ký của người tham gia, trường hợp người tham gia đối thoại không ký xác nhận thì phải ghi rõ lý do và biên bản này phải lưu vào hồ sơ giải quyết vụ án. Kết quả đối thoại cần được coi là một trong những căn cứ cho việc giải quyết vụ án vì phiên đối thoại và phiên Tòa đều có mục đích chung là hướng tới việc giải quyết VAHC. Để thực hiện có hiệu quả những nội dung trên đây thì cần có hướng dẫn cụ thể của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao về vấn đề đối thoại.

Thứ sáu, quy định về thu thập chứng cứ và chứng minh trong vụ án: Việc thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết các VAHC, nhất là những vụ án liên quan đến lĩnh vực đất đai luôn khó khăn và mất nhiều thời gian do cơ quan nhà nước luôn cố tình trì hoãn hoặc tìm cách né tránh không cung cấp những chứng cứ bất lợi cho họ. Thiết nghĩ cần có quy định rõ ràng chế tài xử lý đối với trường hợp né tránh, hay cố tình trì hoãn, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án gây khó khăn cho quá trình giải quyết VAHC của TAND.

Thứ bảy, cần có văn bản hướng dẫn và các mẫu văn bản tổ tụng riêng về TTHC: cũng như trong tố tụng hình sự, dân sự thì TTHC cũng cần phải có hướng dẫn về mẫu văn bản tổ tụng trong hoạt động giải quyết VAHC. Trong khi chờ đợi sự thống nhất và hướng dẫn của cơ quan cấp trên thì TAND tỉnh Đồng Nai cần sớm có văn bản hướng dẫn các mẫu văn bản tổ tụng riêng về TTHC như: mẫu thông báo nhận đơn khởi kiện, thông báo trả lại đơn khởi kiện, thông báo về thụ lý vụ án, mẫu bản án hành chính,... Tùy từng loại mà phải thể hiện được nội dung khác nhau.

Thứ tám, về vấn đề thi hành án: Luật TTHC 2015 đã có những quy định sửa đổi, bổ sung quy định về thi hành án nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật TTHC 2010. Mặc dù Luật TTHC 2015 đã có những sửa đổi để phù hợp với thực tiễn như thẩm quyền, thủ tục thi hành án... Tuy nhiên vẫn còn điểm cần xem xét và có hướng dẫn cụ thể hơn. Đó là quy định về trách nhiệm của thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người phải thi hành án (Điều 245 Luật TTHC 2010) và việc xử lý vi phạm trong trường hợp người phải thi hành án cố ý không chấp hành (Điều 247 Luật TTHC 2010). Luật TTHC 2015 vẫn giữ các quy định này tại Điều 312 và Điều 314 Luật TTHC năm 2015 mà chưa có sự sửa đổi, bổ sung nhằm hạn chế những bất cập. Để áp dụng điều luật này vào thực tiễn cần có văn bản hướng dẫn cụ thể theo hướng:

- Hướng dẫn cụ thể hơn trường hợp bên phải thi hành án là UBND cấp tỉnh, nhưng cơ quan này không thi hành án thì cơ chế xử lý như thế nào, cơ quan thi hành án thông báo cho cơ quan nào? Cơ quan nào có thẩm quyền xử lý trong trường hợp này?

- Sửa đổi bổ sung pháp luật về công tác thi hành án hành chính theo hướng quy định cụ thể hơn cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế, biện pháp cưỡng chế thi hành bản án hành chính trong trường hợp cơ quan ban hành QĐHC bị thua kiện nhưng có tình trì hoãn, không chấp hành bản án để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, bảo đảm bản án được thi hành, nhất là bảo đảm quyền bình đẳng giữa nguyên đơn (công dân) và bị đơn (cơ quan nhà nước) trong quan hệ pháp luật TTHC. Quy định cụ thể về trách nhiệm thi hành bản án hành chính của người đứng đầu cơ quan phải thi hành bản án hành chính. Đồng thời quy định chế tài đối với người đứng đầu cơ quan hành chính phải thi hành án mà không thi hành.

3.2.2. Nhóm giải pháp về đổi mới tổ chức, tăng cường tính độc lập và hiệu quả của Tòa án trong việc giải quyết các vụ án hành chính.

Việc giải quyết VAHC là một chức năng của TAND. Vụ án hành chính là một loại án phức tạp, đặc biệt, có tính đặc thù và một bên trong các đương sự luôn luôn là cơ quan nhà nước hoặc cán bộ, công chức có thẩm quyền trong cơ quan đó. Đây là điểm mấu chốt có thể làm nảy sinh một số hạn chế có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng xét xử, thậm chí có khả năng hình thức hóa, vô hiệu hóa các hoạt động giải quyết VAHC của TAND. Tòa án độc lập thì bản án đưa ra mới công bằng, khách quan. Để việc xét xử của Tòa hành chính thực sự hiệu quả, thẩm phán độc lập xét xử và phát huy khả năng chuyên môn của mình thì việc cải thiện khả năng và các điều kiện để thẩm phán và hội thẩm nhân dân có thể độc lập khi xét xử là một giải pháp cần thiết.

Hiện nay TAND các cấp là cơ quan tư pháp nhưng đóng trụ sở tại địa phương và đều có sự lệ thuộc nhất định đối với các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ở địa phương. Khi thẩm phán còn chịu sự chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn về hành chính thì khi đó thẩm phán không thể có sự độc lập trong xét xử và chỉ tuân theo pháp luật. Chính điều này đã làm hạn chế, thậm chí là tước bỏ tính độc lập của Thẩm phán và hội thẩm khi xét xử vốn đã được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật. Bởi vậy để khắc phục những bất cập trên thì các quy định của pháp luật về địa

vị của thẩm phán cần có những thay đổi nhằm giảm thiểu sự ảnh hưởng, phụ thuộc của thẩm phán đối với các cơ quan quyền lực khác của nhà nước; đó là:

- Đảm bảo sự ổn định nhiệm kỳ thẩm phán: Luật tổ chức TAND 2014 quy định việc bổ nhiệm thẩm phán nhiệm kỳ đầu là 5 năm; trường hợp được bổ nhiệm lại hoặc được bổ nhiệm vào ngạch Thẩm phán khác thì nhiệm kỳ tiếp theo là 10 năm. Quy định này tuy đã có thay đổi so với trước đây nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến tâm lý của thẩm phán. Thẩm phán vẫn còn lo ngại trước nguy cơ không được tái bổ nhiệm do cơ chế tuyển chọn bởi Hội đồng tuyển chọn mà thành phần ngồi xét duyệt gồm những người có khả năng bị kiện hành chính và bị Tòa án xét xử. Vấn đề đặt ra là phải tìm một cơ chế pháp lý đặc biệt có tính miễn trừ cao để thẩm phán vững tâm làm nhiệm vụ xét xử. Có thể xem xét, học hỏi cơ chế bổ nhiệm thẩm phán suốt đời trong pháp luật của một số nước trên thế giới nhưng phải tính đến việc cải cách chương trình đào tạo và tập trung nâng cao trình độ thẩm phán cùng với việc triệt để ngăn ngừa tham nhũng trong ngành tư pháp.

- Cải thiện cơ bản chế độ lương, phụ cấp và điều kiện làm việc cho thẩm phán: Mức lương của thẩm phán nói riêng và của ngành tư pháp nói chung ở nước ta hiện nay còn quá khiêm tốn. Điều này cũng ảnh hưởng một phần đến sự độc lập, khách quan và vô tư trong xét xử của thẩm phán. Do đó việc cải thiện chế độ tiền lương, phụ cấp và chế độ làm việc cho thẩm phán cần phải được xem xét, cân nhắc một cách hợp lý. Nếu thẩm phán được trả lương thỏa đáng giúp thẩm phán yên tâm về sự ổn định thu nhập của mình trong suốt nhiệm kỳ, như vậy thẩm phán sẽ tập trung cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ, đề cao trách nhiệm, sẽ giảm thiểu khả năng dùng các ảnh hưởng về chính trị, vật chất để tác động đến việc xét xử.

- Tăng cường trách nhiệm của thẩm phán: sự độc lập của thẩm phán phải đi liền với cơ chế trách nhiệm giải trình trong hệ thống tòa án. Cần nghiên cứu và xem xét việc quy định trách nhiệm cá nhân thẩm phán. Đồng thời cần minh bạch hóa và tăng cường tính giải trình về việc ra phán quyết của thẩm phán thông qua việc minh bạch các quyết định, phán quyết của thẩm phán trước công chúng.

Ngoài các giải pháp quy định của pháp luật về địa vị của thẩm phán nêu trên thì còn có nhiều giải pháp được các học giả, các nhà nghiên cứu pháp luật đưa ra nhằm đảm bảo khả năng xét xử độc lập của Tòa hành chính, trong đó giải pháp được các học giả và các nhà nghiên cứu pháp luật đề cập đến nhiều nhất đó là xây dựng mô hình Tòa sơ thẩm khu vực và Tòa án phúc thẩm khu vực, trong đó có tòa chuyên trách xét xử những vụ án hành chính. Theo đó, quán triệt tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 “*tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính mà sẽ thành lập các Tòa án theo khu vực, gồm Tòa sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; Tòa án phúc thẩm có nhiệm vụ chủ yếu là xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án, Tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm; Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm*”[3]. Tuy nhiên mô hình này hiện nay vẫn chưa được đưa vào áp dụng trong thực tiễn xét xử, hy vọng trong thời gian tới sẽ sớm triển khai, áp dụng.

3.2.3. Đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong hoạt động xét xử Vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

Để đảm bảo thực hiện tốt các quy định của pháp luật về nguyên tắc tranh tụng đòi hỏi tất yếu khách quan phải đổi mới thủ tục của phiên tòa xét xử các vụ án hành chính theo hướng sau:

Thứ nhất, ở giai đoạn chuẩn bị xét xử:

Chủ tọa phiên tòa và các hội thẩm phải nghiên cứu thật kỹ hồ sơ, các tình tiết, chứng cứ có trong vụ án, tìm ra những điểm còn mâu thuẫn giữa các tài liệu chứng cứ do hai bên đương sự cung cấp để có định hướng điều khiển phiên tòa. Triệu tập những người cần thiết phải có mặt ở phiên Tòa như người làm chứng, người giám định,... Thực tế xét xử cho thấy nhiều nhân chứng triệu tập rất khó, hoặc không tìm được thì phải có kế hoạch triệu tập hoặc dẫn giải. Ngoài ra thẩm phán và hội thẩm còn phải lên kế hoạch cho các bên tranh luận, có kế hoạch thẩm vấn và xét

hỏi, dự trù khả năng có thể xảy ra để ứng phó kịp thời tại phiên Tòa. Để thực hiện điều này, TAND tối cao cần có quy định một cách cụ thể trong văn bản hướng dẫn quy định về trách nhiệm của thành viên Hội đồng xét xử trong quá trình chuẩn bị tham gia phiên tòa tranh tụng.

Thứ hai, về quá trình xét xử vụ án hành chính của Hội đồng xét xử:

- Cần thực hiện nguyên tắc “bản án chỉ căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa” và thực hiện đúng tinh thần của Nghị Quyết 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về việc giải quyết của tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, nhân chứng, người khởi kiện, người bị kiện và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để đưa ra những bản án, quyết định đúng pháp luật và có sức thuyết phục.

- Cần tạo điều kiện để các bên tiến hành tranh luận: các cơ quan tiến hành tố tụng phải tạo điều kiện cho hai bên biết được cụ thể, đầy đủ những chứng cứ, cơ sở pháp lý mà Tòa án đã thu thập được và chứng cứ do hai bên cung cấp để thực hiện việc tranh luận tại phiên tòa.

- Khi xét hỏi HĐXX không phê phán mang tính chất thiên vị, áp đặt hoặc mang tính quy chụp. Không giải thích pháp luật quá nhiều nhất là giải thích cho bị kiện. Trình tự tiến hành phiên tòa phải theo đúng quy định của Luật TTHC.

- Tuân thủ đúng quy trình tố tụng: diễn biến của phiên tòa phải bám sát vào quy định của Luật Tố tụng hành chính, tuyệt đối tránh trường hợp đơn giản hóa thủ tục tố tụng tại phiên tòa, bởi vì vi phạm thủ tục xét xử tại các phiên tòa được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng-căn cứ để Tòa án nhân dân cấp trên hủy án để xét xử lại.

Thứ ba, nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ năng lực và hiệu quả hoạt động thực hiện chức năng của những người tiến hành tố tụng:

- Đối với ngành Tòa án: đội ngũ cán bộ, thẩm phán TAND các cấp phải học tập, nắm vững các yêu cầu chỉ đạo của ngành Tòa án có liên quan đến việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp như Nghị quyết

01-NQ/BCS ngày 03/1/2013 của ban cán sự Đảng TAND tối cao; chỉ thị số 01/2013/CT-TH ngày 01 tháng 01 năm 2015 của Chánh án TAND tối cao về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác của TAND; yêu cầu TAND các cấp cần tiếp tục đổi mới thủ tục tranh tụng tại phiên tòa theo hướng thực chất, bảo đảm dân chủ, công khai, đúng quy định pháp luật và phổ biến, quán triệt đến từng cán bộ, công chức trong cơ quan Tòa án nghiêm túc triển khai thực hiện. Để đảm bảo việc triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, trước mắt đòi hỏi ngành Tòa án cần nhanh chóng và thường xuyên tổ chức hội nghị tập huấn về các nội dung đã được quy định trong luật, đặc biệt chú ý những quy định mới về nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa xét xử VAHC, đảm bảo thống nhất nhận thức pháp luật về quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong công tác xét hỏi, điều khiển tranh luận có chất lượng và hiệu quả theo yêu cầu cải cách tư pháp.

- Đối với Viện kiểm sát nhân dân: Luật TTHC 2015 không quy định phải tham gia tranh tụng như các vụ án hình sự; tuy nhiên, với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tổ tụng hành chính, Viện kiểm sát phải tham gia để bảo đảm việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Hoạt động kiểm sát vụ án hành chính bắt đầu từ khi thụ lý, đến khi kết thúc việc giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa xét xử VAHC Viện kiểm sát phải tham gia xét hỏi, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng của thẩm phán, hội thẩm, thư ký và của những người tham gia tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Theo quy định tại Điều 190 Luật TTHC 2015, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, điều đó đòi hỏi Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải triển khai kế hoạch và thường xuyên tập huấn Luật TTHC 2015 cho đội ngũ cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên về những nội dung cơ bản của Luật. Đối với những người trực tiếp được phân công làm việc ở khâu công tác kiểm sát giải quyết các VAHC, cần được tập huấn chuyên sâu về nguyên tắc tranh tụng trong tổ tụng hành chính, để đảm bảo cho hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa nói riêng theo đúng quy định của pháp luật.

Thứ tư, tăng cường hơn nữa việc xây dựng và phát triển đội ngũ luật sư, trợ giúp viên pháp lý về cả số lượng và chất lượng để bảo đảm tranh tụng đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự trong vụ án hành chính:

Để đảm bảo nguyên tắc tranh tụng thì cần phải nâng cao số lượng và chất lượng của đội ngũ luật sư, trong xét xử các vụ án hành chính cần thực hiện theo hướng sau: Xã hội hóa công tác đào tạo luật sư; Nhà nước cần tạo ra cơ chế thuận lợi, quy định cụ thể cho luật sư tham gia thu thập tài liệu, chứng cứ và tham gia ngay từ khi tòa án thụ lý vụ án để luật sư củng cố các luận cứ của mình trong quá trình tranh tụng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền một cách tốt nhất; Tăng cường kỹ năng tranh tụng của luật sư trong các vụ án hành chính bằng cách Luật sư phải chuẩn bị thật tốt những công việc sau trước khi ra phiên Tòa. Trong phiên Tòa xét xử, luật sư phải bám sát diễn biến của phiên Tòa để kịp thời thực hiện việc tranh tụng có hiệu quả, góp phần làm sáng tỏ vụ án.

3.2.4. Giải pháp về đội ngũ cán bộ.

Thẩm phán và hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên là những người tiến hành tố tụng rất quan trọng và có ý nghĩa trong hoạt động xét xử VAHC. Bởi vậy nâng cao năng lực và trách nhiệm của những người này là yêu cầu cấp thiết và có ý nghĩa rất lớn. Cần mở các lớp tập huấn, đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ, kỹ năng cho thẩm phán, hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên như: chuyên môn sâu về hành chính, quản lý hành chính, Luật TTHC và các văn bản luật có liên quan để các thẩm phán, hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên có nền tảng kiến thức chuyên sâu khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, tham gia xét xử và ra quyết định về QĐHC, HVHC bị khởi kiện; Kỹ năng độc lập khi xét xử và chỉ tuân theo pháp luật và đảm bảo tính khách quan, vô tư khi xét xử của thẩm phán và kỹ năng của Kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án hành chính. Trong bối cảnh hiện nay cần đào tạo bồi dưỡng cho thẩm phán, hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên ngoài kỹ năng giải quyết vụ án còn phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và khả năng tham vấn, tư vấn tác động đến cơ quan công quyền thì việc thực hiện các phán quyết, quyết định đó dễ dàng tuân thủ về nội dung

cũng như thời gian. Thẩm phán và Kiểm sát viên giải quyết án hành chính cần phải được đào tạo nghề một cách quy củ và theo chuyên ngành chuyên sâu. Bản chất của việc đào tạo nghiệp vụ tạo nguồn để bổ nhiệm các chức danh tư pháp là đào tạo nghề nghiệp cụ thể, nên để bảo đảm chất lượng công tác đào tạo việc giảng dạy phải do chính các giảng viên là những người có trình độ, kinh nghiệm nghề nghiệp thuộc quyền quản lý của các cơ quan tư pháp thực hiện. Các chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo phải luôn được cập nhật, sát với yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ và được đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn mang tính nghề nghiệp và tính chính trị sâu sắc, gắn kết giữa rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ với bồi dưỡng đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ. Phương pháp đào tạo nguồn để bổ nhiệm các chức danh tư pháp phải luôn kết hợp giữa học đi đôi với hành, lý thuyết gắn thực tiễn hoạt động của các cơ quan tư pháp; có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các cơ quan tiến hành tố tụng tại các địa phương trong quá trình xây dựng chương trình, giáo trình, cử giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn học viên thực tập nghề. Trong điều kiện hiện nay ở nước ta, hệ thống trường ngành của ngành Kiểm sát, Tòa án mới có thể đáp ứng tốt các yêu cầu về đào tạo nghiệp vụ để tạo nguồn bổ nhiệm các chức danh, thẩm phán. Nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, việc đào tạo nghiệp vụ kiểm sát, nghiệp vụ xét xử đều thực hiện theo nguyên lý: Lấy kiểm sát viên giỏi đào tạo kiểm sát viên, thẩm phán giỏi đào tạo thẩm phán. Dù là trang bị những kiến thức cơ bản (đào tạo) hay chuyên sâu (bồi dưỡng) thì cả nội dung, chương trình đào tạo và bồi dưỡng đều phải thường xuyên được cập nhật, bổ sung cho phù hợp. Để thực hiện điều này các văn bản chỉ đạo nghiệp vụ, các chuyên đề tổng kết, rút kinh nghiệm từ việc giải quyết các vụ án thực tiễn của ngành Kiểm sát và Tòa án đóng vai trò quan trọng trong việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo và bồi dưỡng. Mặt khác, công tác đào tạo, bồi dưỡng luôn gắn với công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức. Đây là một quy trình thống nhất, liên hoàn, nằm trong quy hoạch, kế hoạch, chiến lược về phát triển nguồn nhân lực của mỗi ngành nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng ngành. Mỗi ngành phải chủ động và chịu trách nhiệm về công tác đào

tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của ngành mình. Trong quá trình cải cách tư pháp, cải cách hành chính, việc đề cao trách nhiệm và tính chủ động của các cơ quan tư pháp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, phù hợp với yêu cầu thực hiện chức năng nhiệm vụ các ngành và yêu cầu cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế là cần thiết và mang tính khách quan.

Bên cạnh đó cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật nói chung, pháp luật TTHC nói riêng cho các bộ phận nhân dân. Nâng cao đời sống nhân dân đi đôi với tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giải quyết vụ án hành chính tại TAND.

Kết luận chương 3

Chương 3 của luận văn đã nêu lên những phương hướng, quan điểm, một số yêu cầu và những giải pháp cụ thể nhằm tăng cường chất lượng, bảo đảm hiệu quả giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể đối với tỉnh Đồng Nai như: Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết vụ án hành chính, Nhóm giải pháp về đổi mới tổ chức, tăng cường tính độc lập và hiệu quả của Tòa án trong việc giải quyết các vụ án hành chính; Đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong hoạt động xét xử Vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân; Giải pháp về đội ngũ cán bộ, trình độ chuyên môn và một số các giải pháp khác. Những giải pháp đã nêu ở trong chương 3 đã bao quát hết các đối tượng trực tiếp có mặt trong TTHC bao gồm các cơ quan, người tiến hành tố tụng và những chủ thể tham gia tố tụng. Thực hiện một cách thống nhất, đồng bộ các giải pháp nêu ra nhằm tạo điều kiện tốt nhất trong việc nhằm tăng cường chất lượng, nâng cao hiệu quả giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian tới. Những nhận định và kiến nghị ở chương này được xác lập trên cơ sở thực trạng của nền tư pháp quốc gia phù hợp với các chủ trương, quan điểm của Đảng về giải quyết tranh chấp hành chính ở Việt Nam.

PHẦN KẾT LUẬN.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta đã khẳng định “*Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Nhà nước ta thực sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo...Nâng cao năng lực quản lý điều hành của nhà nước theo pháp luật, tăng cường pháp chế XHCN và kỷ luật, kỷ cương. Nhà nước chăm lo, phục vụ nhân dân, bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của mọi người dân. Nghiên cứu, xây dựng, bổ sung các thể chế và cơ chế vận hành cụ thể để bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất*”. Để xây dựng Nhà nước pháp quyền thì trước hết phải đảm bảo pháp chế và trật tự pháp luật, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật và làm cho xã hội được tổ chức và hoạt động theo pháp luật. Xét xử nói chung và xét xử án hành chính nói riêng luôn là vấn đề rất quan trọng đối với hoạt động của ngành Tòa án, bởi bản án, quyết định của Tòa án sẽ là cơ sở đánh giá tính hiệu quả trong vai trò bảo vệ pháp chế XHCN, kiểm tra hành vi pháp lý của các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước, cũng như đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người dân. Việc sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp hành chính bằng con đường xét xử của Tòa án ở nước ta ngày càng trở nên phổ biến. Do tính đặc thù về chủ thể đặc biệt (người bị kiện) trong vụ án hành chính luôn luôn là chủ thể quản lý hành chính nhà nước nên cần có những định hướng và giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng xét xử; như vậy mới đảm bảo được quyền lợi cho người dân, đảm bảo các quyền tự do, dân chủ, lợi ích hợp pháp khi có hành vi xâm phạm từ phía cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước. Tính đến nay đã được 20 năm thực hiện việc xét xử các vụ án hành chính theo thủ tục tố tụng hành chính, ta có thể thấy chức năng, vị trí cũng như vai trò quan trọng của các chủ thể tiến hành tố tụng trong xét xử hành chính ngày càng được khẳng định vững chắc và phù hợp với xu thế phát triển của

đất nước. Trước yêu cầu nhiệm vụ của giai đoạn mới khi Đảng và Nhà nước ta đang đẩy mạnh công cuộc cải cách tư pháp, cùng với việc Luật TTHC 2015 vừa có hiệu lực thi hành, thì vấn đề nghiên cứu các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính là rất cần thiết. Hơn nữa, xuất phát từ đặc thù của tỉnh Đồng Nai -là một trong những tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của phía Nam (khu vực phát triển kinh tế động lực khu vực Đông Nam bộ gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh), với những đặc điểm khác biệt và đặc trưng về tình hình chính trị, kinh tế và xã hội, do vậy đi sâu nghiên cứu việc giải quyết vụ án hành chính tại tỉnh Đồng Nai mang ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn.

Cho đến nay có thể khẳng định rằng Nhà nước ta đã có nhiều nỗ lực trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Tố tụng hành chính làm cơ sở để giải quyết các vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân, trong đó phải kể đến việc ban hành Luật TTHC năm 2015 với nhiều điểm mới đáng chú ý. Sự phát triển của hệ thống pháp luật TTHC của nước ta đã góp phần đáng kể vào việc giải quyết hiệu quả các tranh chấp hành chính do TAND thực hiện. Số vụ án hành chính được tòa án thụ lý và xét xử ngày một gia tăng, trong đó có nhiều vụ án hành chính mà người khởi kiện đã thắng, tạo một cái nhìn tích cực hơn về loại án “dân kiện quan” này, dẫn đến niềm tin của người dân vào hoạt động xét xử hành chính của Tòa án nhân dân ngày càng được nâng lên. Tuy nhiên xét xử hành chính vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập nhất định trong đó có những vấn đề liên quan đến bất cập của hệ thống pháp luật như bất cập về những quy định về đối tượng xét xử, thời hiệu khởi kiện, vấn đề thi hành án, thẩm quyền của tòa án...Để nâng cao hiệu quả giải quyết án hành chính đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, cải cách tư pháp, cần có những giải pháp đồng bộ, kịp thời.

Trong khuôn khổ của luận văn này tác giả đã trình bày, phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật về TTHC làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án hành chính, kết quả nghiên cứu của luận văn đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận cơ bản về vụ án hành chính và giải quyết vụ án hành chính, đặc điểm và vai trò của của giải

quyết vụ án hành chính tại tòa án nhân dân; đề cập tới các thủ tục giải quyết vụ án hành chính và đánh giá phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả giải quyết vụ án hành chính. Ngoài ra luận văn cũng khái quát được tình hình phát triển của pháp luật TTHC ở Việt Nam, đồng thời so sánh, đối chiếu và chỉ ra những điểm mới của Luật TTHC 2015 so với Luật TTHC 2010. Bên cạnh đó luận văn cũng phân tích, đánh giá thực trạng giải quyết vụ án hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong những năm gần đây; rút ra những mặt tích cực cũng như những tồn tại hạn chế, dựa vào những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết vụ án hành chính, tác giả đã đề xuất một số kiến nghị có giá trị tham khảo nhằm hoàn thiện pháp luật, những giải pháp cụ thể nhằm bảo đảm hiệu quả giải quyết vụ án hành chính của cả nước nói chung và tại tỉnh Đồng Nai nói riêng; góp phần thực hiện thành công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và nhà nước ta đã đề ra.

Do thời gian hạn hẹp, tài liệu tham khảo chưa được nhiều và đây lần đầu tiên tác giả tiếp cận với một công trình tương đối khó nên luận văn không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định. Tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để có thể hoàn thiện hơn công trình nghiên cứu của mình./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hoàng Anh (2016), *Hoạt động xét xử hành chính ở nước ta*, tạp chí nghiên cứu lập pháp, (Số 07) , tr. 18 - 23.
2. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về cải cách tư pháp*, Hà Nội.
3. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Nguyễn Thanh Bình (2003), *Thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc giải quyết các khiếu kiện hành chính*, Luận án tiến sỹ Luật học; Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật.
5. Lê Cẩm (2006), *Các nguyên tắc cơ bản của cải cách tư pháp trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 01), Tr. 7-11.
6. Lê Cẩm (2006), *Những vấn đề chủ yếu của công cuộc cải cách tư pháp trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 3), tr 5-8.
7. NXB.Công an nhân dân (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, Hà Nội
8. Ngô Huy Cương (2002), *Đổi mới hoạt động xét xử theo nguyên tắc tranh tụng*, Nghiên cứu lập pháp.
9. Nguyễn Đăng Dung (2004), *Thế chế tư pháp trong nhà nước pháp quyền*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
10. Nguyễn Đăng Dung (2012), *Tư pháp độc lập một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.
11. Nguyễn Đồng Dục (2014), *Giải quyết khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên*, luận văn thạc sỹ, Học viện khoa học xã hội.

12. Đặng Xuân Đào (2006), *Một số vấn đề về vai trò của Tòa hành chính trong việc giám sát thực hiện quyền lực nhà nước*, tài liệu tại Hội thảo về tài phán hành chính tại Việt Nam, TP Hồ Chí Minh.
13. Bùi Xuân Đức (1993), *Tư pháp hành chính và vấn đề tổ chức tư pháp hành chính ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 1), Tr. 21- 26.
14. Hoàng Ngọc Giao (2004), *Minh bạch, bình đẳng, năng lực - những yêu cầu không thể thiếu của cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, trong cuốn chuyên khảo: *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước Pháp quyền*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.
15. Hoàng Văn Giao, Nguyễn Phúc Thành, *Giáo trình Luật Tố tụng hành chính Việt Nam*, trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
16. Trần Mạnh Hùng (2011), *Thẩm quyền giải quyết các khiếu kiện hành chính*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (Số chuyên đề về Luật tố tụng hành chính), tr.17-30.
17. Nguyễn Mạnh Hùng (2013), *Phân định thẩm quyền giải quyết khiếu nại hành chính và thẩm quyền xét xử hành chính ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Hương (2013), *Nâng cao hiệu quả xét xử vụ án hành chính nhìn từ góc độ bảo đảm tính độc lập của Tòa án*, Luận văn thạc sỹ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
19. Nguyễn Thị Thu Hương (2014), *Thủ tục xét xử vụ án hành chính theo Luật Tố tụng hành chính*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (Số chuyên đề về Luật tố tụng hành chính), tr.49-60.
20. Học viện Hành chính quốc gia (1995), *Cải cách nền hành chính quốc gia ở nước ta*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Học viện Hành chính quốc gia - Khoa Nhà nước và Pháp luật (2001), *Luật hành chính và tài phán hành chính Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Nguyễn Lâm (2000), *Từ điển từ và ngữ Việt Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh.
23. Trần Kim Liễu (2004), *Một số vấn đề về thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân*, Tạp chí khoa học pháp lý, (số 03), Tr. 30 - 37.

- 24.** Nguyễn Như Phát, Nguyễn Thị Việt Hương (2004), *Tài phán hành chính trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay* (sách chuyên khảo), NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.
- 25.** Quốc Hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
- 26.** Quốc Hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
- 27.** Quốc Hội (1998), *Luật số 09/1998/QH10 ngày 02/12/1998, Luật khiếu nại tố cáo*, Hà Nội
- 28.** Quốc Hội (2010), *Luật số 64/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Luật Tố tụng hành chính 2010*, Hà Nội.
- 29.** Quốc Hội (2015), *Luật số 93/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Luật Tố tụng hành chính 2015*, Hà Nội.
- 30.** Quốc Hội (2010), *Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính*, Hà Nội.
- 31.** Quốc Hội (2015), *Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính*, Hà Nội.
- 32.** Huỳnh Sáng (2004), *Về việc thực hiện thủ tục xét hỏi kết hợp với tranh tụng tại phiên tòa*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 02), tr.4-5
- 33.** Phạm Hoàng Thái và Đinh Văn Mậu (1996), *Tìm hiểu về tài phán hành chính ở Việt Nam*, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh.
- 34.** Phan Đăng Thanh và một số tác giả (1998), *Mấy vấn đề về quản lý nhà nước và củng cố pháp quyền trong lịch sử Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 35.** Vũ Thu (1998), *Hai con đường giải quyết khiếu nại hành chính - Giải pháp lựa chọn và triển vọng*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 6), tr. 3 - 6.
- 36.** Vũ Thu (2006), *Về kiểm soát quyền lực hành pháp trong hệ thống quyền lực nhà nước Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 12), tr. 16 - 29.
- 37.** Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình luật Tố tụng hành chính Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân.

38. Trường Đại học quốc gia Hà Nội (1999), *Từ điển thuật ngữ luật học* - NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
39. Ủy ban thường vụ Quốc hội (1996), *số 0/1996/PL-UBTVQH ngày 21/5/1996, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính*, Hà Nội.
40. Ủy ban thường vụ Quốc hội (1996), *số 10/1998/PL-UBTVQH10 ngày 25/12/1998, Pháp lệnh sửa đổi bổ sung Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính*, Hà Nội.
41. Ủy ban thường vụ Quốc hội (1996), *số 29/2006/PL-UBTVQH11 ngày 05/4/2006, Pháp lệnh sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính*, Hà Nội.
42. Đào Trí Úc (2007), *Ý kiến về Đề án xây dựng cơ quan tài phán hành chính ở Việt Nam hiện nay*, tài liệu tại Hội thảo khoa học về Đề án thành lập cơ quan tài phán hành chính ở Việt Nam - TP Hồ Chí Minh, 06/4/2007.
43. Đào Trí Úc (1994), *Nhà nước pháp quyền, những vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Sự thật, Hà Nội .
44. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (2001), *Một số vấn đề về hoàn thiện tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
45. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối (2012), *Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong Tố tụng hành chính*, Hà Nội.
46. Nguyễn Cửu Việt, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội (2005), *Giáo trình luật hành chính Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
47. Nguyễn Thị Hoàng Bạch Yến (2011), *Những quy định về khởi kiện, thụ lý vụ án hành chính*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (Số chuyên đề về Luật tố tụng hành chính), tr.31-42.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1. Số thụ lý án hành chính của tỉnh Đồng Nai so với cả nước (2011-2015).

| Năm | Số thụ lý cả nước | Số thụ lý tỉnh Đồng Nai | Tỷ lệ |
|------|-------------------|-------------------------|-------|
| 2011 | 2323 | 96 | 4,2% |
| 2012 | 6177 | 371 | 6% |
| 2013 | 7738 | 488 | 6,3% |
| 2014 | 7317 | 427 | 5,9% |
| 2015 | 6605 | 319 | 4,8% |

(Nguồn báo cáo tổng kết công tác từ năm 2011-2015 của TAND tỉnh Đồng Nai)

Bảng 2.2. Số liệu giải quyết án hành chính của tỉnh Đồng Nai (2011-2015).

| Năm | Số thụ lý (vụ) | Số giải quyết(vụ) | Tỷ lệ |
|------|----------------|-------------------|-------|
| 2011 | 96 | 56 | 59 % |
| 2012 | 371 | 212 | 57,1% |
| 2013 | 488 | 296 | 60,6% |
| 2014 | 427 | 313 | 73,3% |
| 2015 | 319 | 198 | 62% |

(Nguồn báo cáo tổng kết công tác từ năm 2011-2015 của TAND tỉnh Đồng Nai)

Bảng 2.3. Số liệu giải quyết án hành chính của cả nước (2011-2015)

| Năm | Số thụ lý cả nước | Số giải quyết | Tỷ lệ |
|------|-------------------|---------------|-------|
| 2011 | 2323 | 1790 | 77% |
| 2012 | 6177 | 4742 | 76,7% |
| 2013 | 7738 | 6430 | 83% |
| 2014 | 7317 | 6244 | 85% |
| 2015 | 6605 | 5762 | 87,2% |

(Nguồn báo cáo tổng kết công tác từ năm 2011 -2015 của ngành TAND)

Bảng 2.4. Số liệu giải quyết án hành chính theo thủ tục sơ thẩm tại tỉnh Đồng Nai (2011 -2016)

| Năm | Số thụ lý (vụ) | Số giải quyết (vụ) | Tỷ lệ |
|------|----------------|--|--------|
| 2011 | 87 | 48(trong đó xét xử 12 vụ, đình chỉ 14 vụ, tạm đình chỉ 22 vụ) | 67,3 % |
| 2012 | 300 | 192(trong đó xét xử 83 vụ, đình chỉ 68 vụ, tạm đình chỉ 41 vụ) | 64% |
| 2013 | 352 | 185(trong đó xét xử 92 vụ, đình chỉ 89 vụ, tạm đình chỉ 4 vụ) | 52,5% |
| 2014 | 302 | 214(trong đó xét xử 126 vụ, đình chỉ 80 vụ, tạm đình chỉ 8 vụ) | 70,8% |
| 2015 | 252 | 137(trong đó xét xử 54 vụ, đình chỉ 79 vụ, tạm đình chỉ 4 vụ) | 54,3% |
| 2016 | 284 | 189(trong đó xét xử 75 vụ, đình chỉ 73, tạm đình chỉ 30 vụ) | 66,5% |

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác các năm 2011; 2012; 2013; 2014; 2015; 2016 của VKSND tỉnh Đồng Nai)

Bảng 2.5. Số liệu giải quyết án hành chính theo thủ tục phúc thẩm tại tỉnh Đồng Nai (2011 -2016).

| Năm | Số thụ lý (vụ) | Số giải quyết(vụ) | Tỷ lệ |
|------------|-----------------------|---|--------------|
| 2011 | 9 | 8(gồm xét xử 6 vụ gồm y án 4 vụ, sửa án 01 vụ, hủy án 01 vụ; đình chỉ 2 vụ) | 88,9 % |
| 2012 | 71 | 20(gồm xét xử 13 vụ gồm y án 7 vụ, sửa án 3 vụ, hủy án 3 vụ; đình chỉ 3 vụ;mở phiên họp 4 vụ) | 28,1% |
| 2013 | 136 | 111 (gồm xét xử 82 vụ gồm y án sơ thẩm 34 vụ, sửa án 39 vụ, hủy án 9 vụ; đình chỉ 16 vụ;mở phiên họp 13 vụ) | 81,6% |
| 2014 | 125 | 99 (gồm xét xử 84 vụ gồm y án 60 vụ, sửa án 19 vụ; đình chỉ 6 vụ; mở phiên họp 9vụ) | 79,2% |
| 2015 | 67 | 61(gồm xét xử 58 vụ gồm y án 47 vụ, sửa án 6 vụ, hủy án 5 vụ; đình chỉ 3 vụ) | 91% |
| 2016 | 43 | 33(gồm xét xử 30 vụ gồm y án 18 vụ, sửa án 3 vụ, hủy án 9 vụ; đình chỉ 3 vụ) | 77% |

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác các năm 2011; 2012; 2013; 2014; 2015; 2016 của VKSND tỉnh Đồng Nai).

Bảng 2.6. Số liệu vụ án hành chính Y án sơ thẩm so với số lượng vụ án hành chính đã giải quyết theo thủ tục phúc thẩm (2011-2016).

| Năm | Số lượng vụ án hành chính đã giải quyết theo thủ tục phúc thẩm | Số lượng bản án giải quyết: Y án sơ thẩm | Tỷ lệ |
|------------|---|---|--------------|
| Năm 2011 | 8 | 4 | 50% |
| Năm 2012 | 20 | 7 | 35% |
| Năm 2013 | 111 | 34 | 30,6% |
| Năm 2014 | 99 | 60 | 60,6% |
| Năm 2015 | 61 | 47 | 77% |
| Năm 2016 | 33 | 18 | 54,5% |

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác các năm 2011; 2012; 2013; 2014; 2015; 2016 của VKSND tỉnh Đồng Nai)